



VIETFUND
MANAGEMENT

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM | VF1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

VF1

Danh mục các chữ viết tắt

ccq	Chứng chỉ quỹ	NAV	Giá trị tài sản ròng
Cổ phiếu OTC	Cổ phiếu chưa niêm yết	Q1/2011	Quý I/2011
Công ty CP/ CTCP	Công ty Cổ phần	Quỹ đầu tư VF1	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam
Công ty VFM/ Công ty Quản lý Quỹ VFM	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam	Quỹ đầu tư VF2	Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam
HNX-Index	Chỉ số HNX-Index	Quỹ đầu tư VF4	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thông tin tóm tắt về Quỹ

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Chứng Khoán Việt Nam (VF1)
Tên tiếng Anh	Vietnam Securities Investment Fund
Mã giao dịch	VFMVF1
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	100.000.000 ccq
Ngày thành lập	20/05/2004
Ngày niêm yết & giao dịch	08/11/2004
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí giám sát & lưu ký	Phí lưu ký: 0,06%/NAV/năm Phí giám sát: 0,02%/NAV/năm
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

Quỹ đầu tư VFA

Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam

TTCK

Thị trường chứng khoán

SGDCK Hà Nội / HNX

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

UBCKNN

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

SGDCK Tp.HCM / HOSE

Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

UPCOM

Thị trường giao dịch chứng khoán của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết

TMCP

Thương mại cổ phần

VN-Index / VNI

Chỉ số VN-Index

Tp.HCM

Thành phố Hồ Chí Minh

Điểm tài chính nổi bật

	2011	2010	2009
Quy mô Quỹ (tỷ đồng)	1.000	1.000	1.000
NAV (tỷ đồng)	1.298,3	2.126,3	2.479,9
NAV/ccq (đồng)	12.983	21.263	24.799
NAV/ccq cao nhất 52 tuần (VND)	21.891	26.300	29.158
NAV/ccq thấp nhất 52 tuần (VND)	12.848	20.230	15.423
Chi phí (%)	2,2	2,1	2,15
Vòng quay danh mục đầu tư (%)	35,7	50,4	63,1
Tăng trưởng so với đầu năm (%)			
NAV	(38,9)	(8,2)	46,1
VN-Index	(27,5)	(2,0)	56,8
HNX-Index	(48,6)	(32,1)	60,0
Tăng trưởng lũy kế từ khi hoạt động (%)			
NAV (*)	29,8	127,6	160,0
VN-Index	34,4	85,3	89,1
HNX-Index	(41,3)	14,2	68,2
	1 năm	2 năm	3 năm
Tăng trưởng lũy kế (%)			
NAV	(38,9)	(47,6)	(23,5)
VN-Index	(27,5)	(28,9)	11,4
HNX-Index	(48,6)	(65,1)	(44,1)
Tăng trưởng bình quân (%)			
NAV	(38,9)	(27,6)	(8,5)
VN-Index	(27,5)	(15,7)	3,7
HNX-Index	(48,6)	(40,9)	(17,6)

Ghi chú: (*) NAV không bao gồm cổ tức đã trả.

Nội dung

TỔNG QUAN

Danh mục các chữ viết tắt	2
Thông tin tóm tắt về quỹ	3
Điểm tài chính nổi bật	4
Tổng quan tình hình kinh tế, TTCK	6
Phát biểu của chủ tịch Ban Đại diện	10
Phát biểu của Tổng Giám đốc công ty VFM	11

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Báo cáo NAV	12
Danh mục đầu tư	15
Tình hình giải ngân - thanh toán	17
Kết quả hoạt động của quỹ	20
Danh mục đầu tư điển hình	22

2008	2007	2006	2005	2004
1.000	1.000	500	300	300
1.697,0	3.837,1	1.564,1	381,6	304,5
16.970	38.371	31.281	12.718	10.158
37.569	52.041	33.552	12.850	10.158
16.313	33.042	12.957	10.121	10.000
1,9	2,3	14,0	4,0	1,5
17,9	19,4	45,7	51,5	53,7
(52,6)	28,1	157,8	27,7	1,6
(66,0)	23,3	144,5	28,5	(8,5)
(67,5)	33,2	152,4	(3,8)	N/A
81,7	300,7	227,8	29,7	1,6
20,7	254,4	187,4	17,6	(8,5)
5,1	223,6	142,9	(3,8)	N/A
4 năm	5 năm	6 năm	7 năm	Lũy kế từ khi thành lập (20/05/2004)
(66,2)	(17,0)	240,2	326,4	29,8
(62,1)	(53,2)	14,3	46,9	34,4
(81,8)	(75,8)	(39,0)	(41,3)	N/A
(23,7)	(3,7)	22,6	23,0	3,5
(21,5)	(14,1)	2,3	5,6	4,0
(34,7)	(24,7)	(7,9)	(7,3)	N/A

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Giới thiệu Ban Đại diện	30
Vai trò Ban Đại diện đối với hoạt động quỹ	31
Hoạt động của Ban Đại diện quỹ trong năm 2011	32
	33

CÔNG TY VFM

Giới thiệu công ty VFM	34
Sự kiện và hoạt động xã hội trong năm 2011	35
Sản phẩm & dịch vụ công ty	36
Hoạt động với nhà đầu tư trong năm 2011	38
Kế hoạch hoạt động IR năm 2012	40
	41

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KHUYẾN CÁO

42

Tổng quan tình hình kinh tế, thị trường chứng khoán

Kinh tế Việt Nam 2011

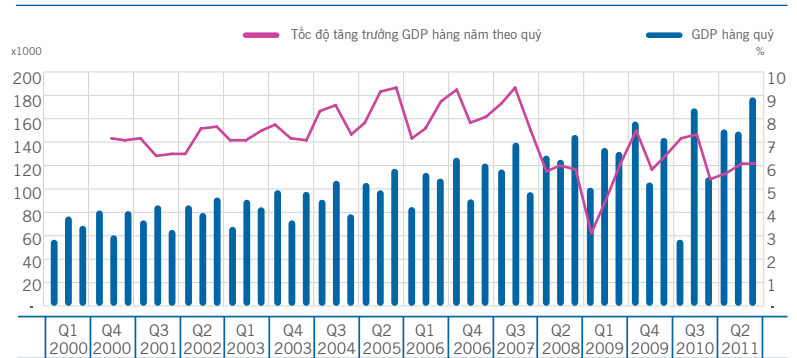
Năm 2011, kinh tế Việt Nam tăng trưởng 5,89% so với 2010 và gặp rất nhiều khó khăn, như là hệ quả của một giai đoạn phát triển nhanh và nóng. Tuy nhiên, nền kinh tế cũng đạt được một số thành quả đáng khích lệ. Theo đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 202 tỷ đô-la Mỹ, tương đương 170% GDP với 9,5 tỷ đô-la nhập siêu, tương đương 9,86% tổng xuất khẩu so với mục tiêu 18%. Kiều hối đạt 9 tỷ đô-la Mỹ, tăng 12% so với năm 2010. Cán cân thanh toán tổng thể cả năm dự kiến thặng dư 3,1 tỷ đô-la Mỹ so với thâm hụt 3,07 tỷ đô-la Mỹ trong năm 2010 và thâm hụt 8,8 tỷ đô-la Mỹ trong năm 2009.

Nền kinh tế đã và đang trong tình trạng khó khăn nhất trong giai đoạn từ 1998 tới nay. Các chỉ tiêu chính về phát triển kinh tế, chủ yếu là tăng trưởng và lạm phát, đã được liên tục điều chỉnh theo xu hướng xấu đi từ đầu năm. Tiền Đồng liên tục được điều chỉnh giảm so với đô-la Mỹ. Thêm vào đó, chỉ số sản xuất công nghiệp có xu hướng giảm từ tháng 7/2011, phản ánh hiện trạng thu hẹp sản xuất do các khó khăn về thị trường tiêu thụ và chi phí sản xuất.

Trong năm 2011, các điểm yếu của nền kinh tế thể hiện rõ nét với hàng loạt các mất cân đối vĩ mô, thể hiện bởi các dấu hiệu gia tăng lạm phát, mất giá của tiền Đồng, lãi suất huy động và cho vay tăng cao bất thường, thâm hụt thương mại cao, suy giảm dự trữ ngoại hối, và khủng hoảng thanh khoản của hệ thống ngân hàng.

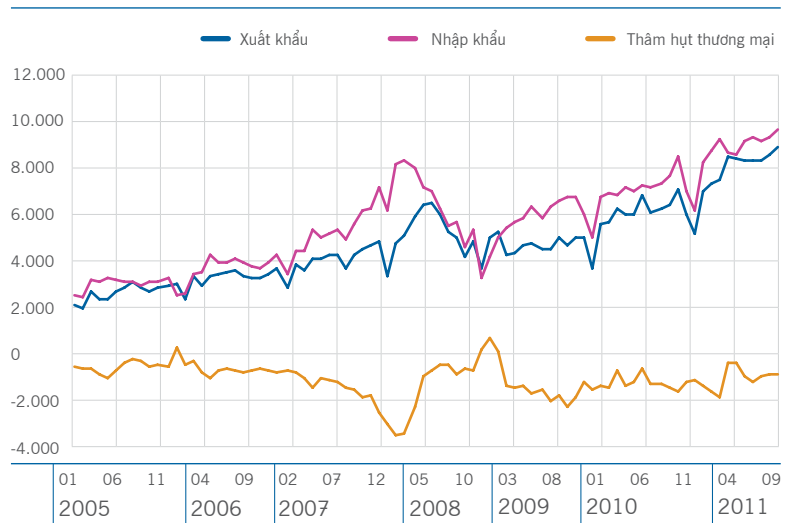
Những khó khăn trên ảnh hưởng nặng nề đối với khu vực doanh nghiệp, dẫn đến doanh thu tăng trưởng chậm và lợi nhuận giảm mạnh. Theo ước tính, tuy doanh thu tăng trưởng khoảng 30% nhưng lợi nhuận chỉ tăng khoảng 4,5%, làm cho EPS của các doanh nghiệp trên hai sàn giảm khoảng 17% trong năm 2011. Đặc biệt, nhóm bất động sản và chứng khoán có nguy cơ phá sản cao do nguồn vốn bị thắt chặt và nhóm ngành sản xuất đối mặt với nhu cầu suy giảm và chi phí sản xuất tăng vọt.

GDP Việt Nam theo Quý và tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (2000-2011)



Nguồn: HSC, VFM dự báo

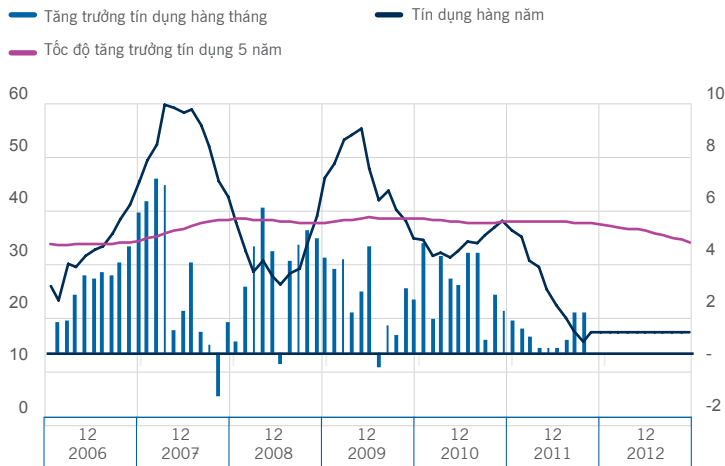
Xuất khẩu và thâm hụt thương mại (2005-2011)



Nguồn: HSC, VFM dự báo

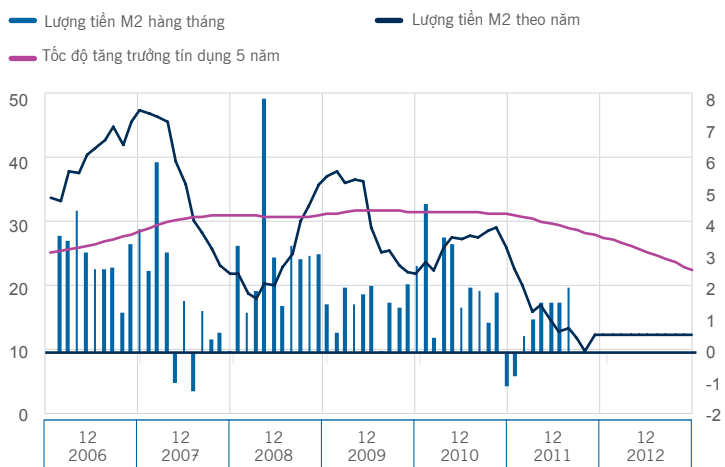
Nguyên nhân tình hình kinh tế năm 2011

Tăng trưởng tín dụng 2006-2011



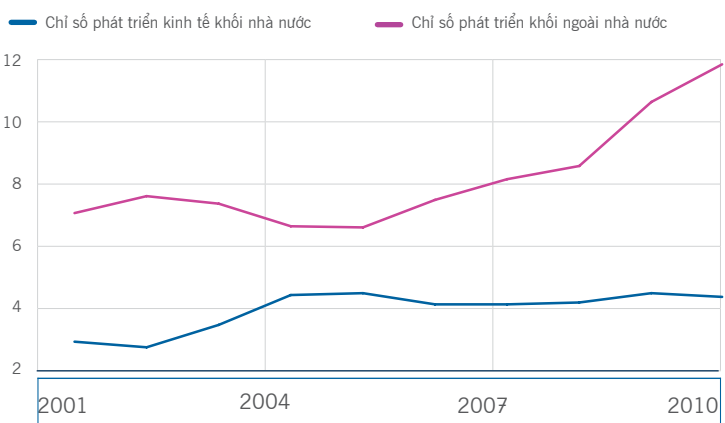
Nguồn: Dragon Capital

Tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán 2006-2011



Nguồn: Dragon Capital

Chỉ số ICOR của khu vực tư nhân và doanh nghiệp nhà nước



Nguồn: HSC

Nền kinh tế Việt Nam đã gặp phải các vấn đề nghiêm trọng mang tính chu kỳ trong giai đoạn 2009-2011 do các nguyên nhân:

- Kinh tế toàn cầu đang trong giai đoạn suy thoái. Trong khi chưa thực sự thoát khỏi các khó khăn kéo dài của khủng hoảng 2008, thế giới lại đối mặt với vấn đề nợ công Châu Âu, động đất Nhật Bản, và các biến động chính trị xã hội.
- Mô hình tăng trưởng có nhiều bất ổn khi quá phụ thuộc vào đầu tư, tăng trưởng tín dụng nóng, và hiệu quả đầu tư thấp.
- Các chính sách điều tiết nền kinh tế chưa thực sự hiệu quả và mang tính tổng thể.
- Tín dụng và tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng ở mức độ rất cao, bình quân lần lượt 35% và 25% trong giai đoạn 2006-2010. Tín dụng dễ dàng đã dẫn đến việc đầu tư tràn lan (tổng đầu tư xã hội đạt mức bình quân 42% trong 3 năm trước năm 2011) và nền kinh tế phát triển dựa trên mô hình mở rộng đầu tư theo chiều rộng và dựa chủ yếu vào đầu tư công. Cụ thể, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là bộ phận đầu tư lớn nhất, chiếm 40%-50% tổng đầu tư xã hội. Tuy nhiên, hiệu quả đầu tư của nhóm này lại rất kém khi chỉ tạo ra 15%-20% GDP và sử dụng 5% lực lượng lao động.
- Với định hướng chính sách ưu tiên tăng trưởng GDP cho tới trước tháng 6 năm 2011, các chính sách của chính phủ đã tạo điều kiện cho việc tăng trưởng bằng mọi giá, bỏ qua các yếu tố bất ổn. Điều này dẫn tới việc điều hành không nhất quán và tạo nên các xáo trộn, ảnh hưởng đến niềm tin của thị trường và sự ổn định của môi trường kinh doanh.

Chính phủ Việt Nam đã có các thay đổi chiến lược để đảm bảo khắc phục các yếu điểm cố hữu của nền kinh tế. Một giải pháp mang tính tổng thể và nhất quán, một sự thay đổi so với cách làm chính sách trước đây, đã được xem xét và áp dụng từ tháng 2/2011 nhằm ổn định kinh tế vĩ mô.

Giải pháp tổng thể và triển vọng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012(%)	Thực hiện 2011(%)
1.	Tăng trưởng GDP	6	5,9
2.	Tăng trưởng xuất khẩu	13	33
3.	Nhập siêu (% xuất khẩu)	11-12	10
4.	Bội chi ngân sách (% GDP)	4,8	4,9
5.	Tổng đầu tư xã hội (% GDP)	33,5	34,6
6.	Lạm phát	Dưới 10	18,53
7.	Tăng trưởng tín dụng	15-17	12
8.	Tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán	Dưới 15	10,2

Nguồn: Nghị quyết số 11/2011/QH13 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2012 của Quốc hội khóa 13 ngày 9/11/2011.

- Trong điều kiện mới, Chính phủ đã điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng cho giai đoạn 2011-2015. Mục tiêu chung của giai đoạn này là ưu tiên kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế ở mức phù hợp và tập trung tái cơ cấu nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế năm 2012 được đặt ở mức độ khiêm tốn 6% và lạm phát ở mức dưới 10%.
- Tái cơ cấu nền kinh tế sẽ tập trung vào tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu hoạt động của DNNN, và tái cơ cấu hệ thống ngân hàng.
- Việc áp dụng nhất quán các chính sách thắt chặt tiền tệ từ tháng 2/2011 đã có các tác động tốt và thể hiện sự phù hợp cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô dài hạn.
- Bên cạnh đó, cải tổ hệ thống ngân hàng đã được triển khai quyết liệt và đã có các định hướng cụ thể. Một số ngân hàng nhỏ đã được sáp nhập trong tháng 12/2011. Dự kiến việc cải tổ hệ thống ngân hàng sẽ được thực hiện mạnh trong năm 2012.
- Các chính sách tài khóa được thay đổi mạnh để đảm bảo giảm thâm hụt ngân sách và giảm đầu tư công.
- Các dự báo cho thấy bức tranh khả quan của kinh tế Việt Nam trong năm 2012 với các thay đổi mang tính dài hạn. Các vấn đề hệ thống đã được xác định và có biện pháp khắc phục phù hợp, tạo được tiền đề cho sự ổn định của kinh tế vĩ mô và cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp.
- Việc áp dụng nhất quán các chính sách đã cho kết quả từ Quý IV/2011 thể hiện thông qua sự suy giảm của lạm phát, khả năng kiểm soát tỉ giá và lãi suất của hệ thống ngân hàng thương mại.

Thị trường chứng khoán và giai đoạn phát triển mới

	Toàn thị trường	HOSE	HNX
Chỉ số vào ngày 30/12/2011		351,6	58,7
Chỉ số vào ngày 30/12/2010		481,4	112,64
<i>Thay đổi</i>		<i>-27,5%</i>	<i>-48,6%</i>
Số lượng cổ phiếu	672	289	383
Giá trị thị trường (Triệu đồng)	537.505	453.784	83.721
Giá trị thị trường (Triệu đô la Mỹ)	25.552	21.572	3.980
P/E	6,81	6,89	6,40
P/B	1,08	1,16	0,68
ROA (%)	9,00	9,29	7,50
ROE (%)	18,13	18,31	17,19
EPS (Đồng)	3.086	3.139	2.811

Nguồn: VFM

- Thị trường chứng khoán Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề từ tác động của kinh tế vĩ mô. Theo đó, chỉ số HSX giảm gần 27,5% và HNX giảm xấp xỉ 48,6% trong năm 2011.
- Do tác động của suy thoái kinh tế, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp không khả quan trong năm 2011. Cùng với các yếu tố bất lợi khác, hoạt động kinh doanh giảm sút của doanh nghiệp tác động mạnh tới định giá thị trường và xói mòn mong đợi của nhà đầu tư.
- Cắt giảm tín dụng dẫn tới việc suy giảm mạnh dòng tiền tham gia thị trường, bên cạnh đó, mối lo về kinh tế vĩ mô có ảnh hưởng rõ rệt tới niềm tin đầu tư của người đầu tư trong và ngoài nước.
- Các phân tích cho thấy thị trường chứng khoán Việt Nam vào thời điểm cuối năm 2011 đang ở mức rẻ so với thị trường khu vực, xét về các mức định giá tương đối P/E và P/B.
- Với các thay đổi hiện tại, triển vọng kinh doanh của các doanh nghiệp là tích cực và tạo được các nền tảng cơ bản cho việc tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Thị trường chứng khoán được kỳ vọng sẽ có sự phục hồi từ năm 2012 với sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô, phục hồi của nguồn cung tín dụng với giá vốn hợp lý và các cơ hội kinh doanh nhờ việc thay đổi mô hình tăng trưởng.

Phát biểu của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ



Những chiến lược chúng tôi đưa ra đều được nghiên cứu, suy xét bên cạnh sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng đầu tư để có những quyết sách hợp lý theo từng thời điểm thay đổi của thị trường nhằm tinh gọn danh mục đầu tư và tăng lượng cổ phiếu có tính thanh khoản cao.

Kính thưa Quý nhà đầu tư,

Năm 2011 vừa qua, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm sụt giảm sâu do ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của kinh tế vĩ mô và sự suy thoái kinh tế toàn khu vực. Tình trạng lạm phát tăng cao trong khi tăng trưởng GDP chưa đạt chỉ tiêu đề ra, cùng với bội chi ngân sách, thâm hụt thương mại v.v..., và các chính sách thắt chặt tiền tệ từ đầu năm đã dẫn tới diễn biến bất lợi rõ rệt đối với các chỉ số của hai sàn chứng khoán, làm cho chỉ số này sụt giảm mạnh.

Với những diễn biến tiêu cực kéo dài, kết quả hoạt động Quỹ đầu tư VF1 cũng không là trường hợp ngoại lệ, mặc dù chúng tôi cùng Ban điều hành đã tích cực cố gắng bảo toàn giá trị quỹ đang sở hữu. Hướng đến mục tiêu đáo hạn quỹ trong thời gian sắp tới, những chiến lược chúng tôi đưa ra đều được nghiên cứu, suy xét bên cạnh sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng đầu tư để có những quyết sách hợp lý theo từng thời điểm thay đổi của thị trường nhằm tinh gọn danh mục đầu tư và tăng lượng cổ phiếu có tính thanh khoản cao.

Dự báo thị trường năm 2012 sẽ còn nhiều khó khăn, mang tâm lý thận trọng trong hoạt động giao dịch của các nhà đầu tư. Tuy nhiên, với cam kết hỗ trợ của cơ quan quản lý thông qua đề án tái cấu trúc thị trường vốn, cải tổ hệ thống ngân hàng, thay đổi cơ chế giao dịch, khung pháp lý cho phép thành lập quỹ mở được ban hành trong năm qua sẽ là tiền đề và động lực thúc đẩy phát triển tích cực cho thị trường trong những năm sắp tới, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho quỹ xem xét thực hiện việc chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở. Chúng tôi hy vọng thị trường chứng khoán sẽ có những chuyển biến tốt hơn để đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị năm mới An Khang, Thịnh vượng!

Trân trọng,

Lưu Đức Khánh

Chủ tịch Ban Đại diện

Phát biểu của Tổng Giám đốc công ty VFM

Kính thưa Quý nhà đầu tư,

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm qua đã ở trong tình trạng khó khăn nhất trong vòng năm (5) năm trở lại đây. Bắt nguồn từ kinh tế thế giới bất ổn, nợ công Châu Âu tiếp diễn phức tạp ảnh hưởng đến toàn khu vực và đến kinh tế Việt Nam. Thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn nằm trong xu hướng giảm, giao dịch, thanh khoản sa sút đã tạo bất lợi cho hoạt động các quỹ đầu tư tại Việt Nam.

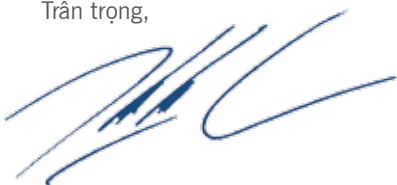
Kết quả hoạt động của các Quỹ do công ty VFM quản lý trong năm qua chưa đạt như kế hoạch, phần lớn do sự suy giảm của chỉ số VN-Index. Chiến lược đầu tư của Quỹ là tuân thủ theo chiến lược đầu tư theo giá trị, do đó chúng tôi không chú trọng thực hiện chiến lược mua/bán (trading) cổ phiếu, chạy theo số cổ phiếu mang tính dẫn dắt thị trường hoặc cổ phiếu làm giá. Mục tiêu của chúng tôi là hướng đến việc tối đa hóa giá trị hiện có của quỹ cho nhà đầu tư để mang lại sự tăng trưởng cao khi thị trường hồi phục.

Sang năm 2012, mặc dù theo các dự báo, những khó khăn của thị trường vẫn còn kéo dài, nhưng những động thái tích cực của cơ quan nhà nước về việc cam kết thực hiện kế hoạch ổn định kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc thị trường chứng khoán và đặc biệt đầu năm mới thị trường đón chào thông tin về quỹ mở chính thức ban hành đã mở ra cho thị trường và nhà đầu tư thêm cơ hội mới. Đây sẽ là phát pháo sáng đầu tiên tạo tiền đề cho hoạt động của các quỹ nước ngoài cũng như quỹ nội địa tích cực hơn.

Với thông tư 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở đã ban hành, công ty VFM đã sẵn sàng các kế hoạch mới cho các quỹ để trình cho nhà đầu tư xem xét. Trong đó, đối với các quỹ đóng hiện thời, việc chuyển đổi sang mô hình quỹ mở sẽ giải quyết phần lớn khó khăn hiện nay cho cả nhà đầu tư và công ty quản lý quỹ. Chúng tôi sẽ có thuyết minh đầy đủ về thuận lợi và khó khăn trong quá trình chuyển đổi để các cổ đông biểu quyết dựa trên quyền lợi của các nhà đầu tư với ý chí của tập thể số đông. Việc chuyển đổi này chưa có tiền lệ ở TTCK Việt Nam nên thách thức lớn nhất là vấn đề thủ tục pháp lý, và việc chuyển đổi danh mục cổ phiếu hiện nay nhằm đáp ứng quy định về hạn chế đầu tư trong tình hình thanh khoản của TTCK sụt giảm.

Hy vọng rằng thị trường sẽ diễn biến tích cực hơn và chúng tôi rất mong nhà đầu tư sẽ cùng chia sẻ và đồng hành cùng chúng tôi hoàn thành tốt trọng trách này.

Trân trọng,



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc



Công ty VFM đã sẵn sàng các kế hoạch mới cho các quỹ để trình cho nhà đầu tư xem xét. Trong đó, đối với các quỹ đóng hiện thời, việc chuyển đổi sang mô hình quỹ mở sẽ giải quyết phần lớn khó khăn hiện nay cho cả nhà đầu tư và công ty quản lý quỹ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ



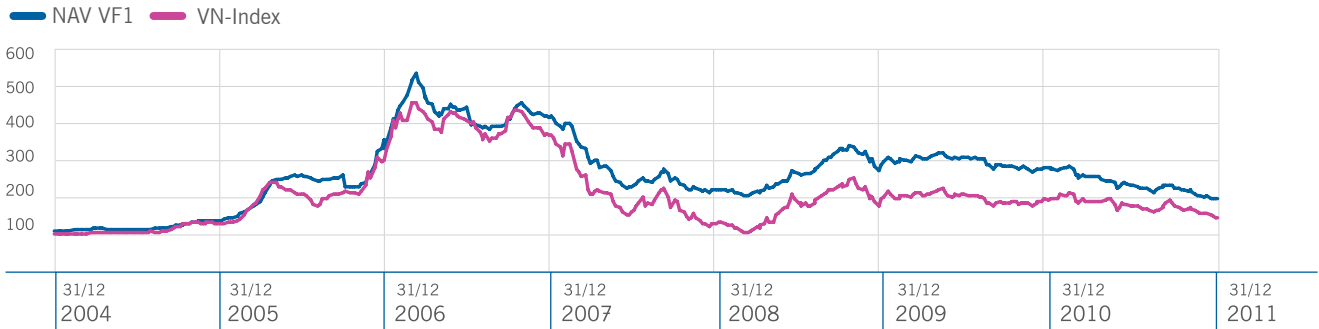
Index	Value	Change	%	Change
INDEX	11,696.91	0.810	%	187.780
K PF	5,777.65	-0.130	%	-15.300
DEX	6,250.69	0.120	%	6.670
DEX	4,060.50	0.020	%	0.990
DEX	1,196.48	-0.000	%	-0.040
		0.180	%	2.110
			%	
	1,996.65	0.060	%	1.220
			%	

FTSE Italia - All

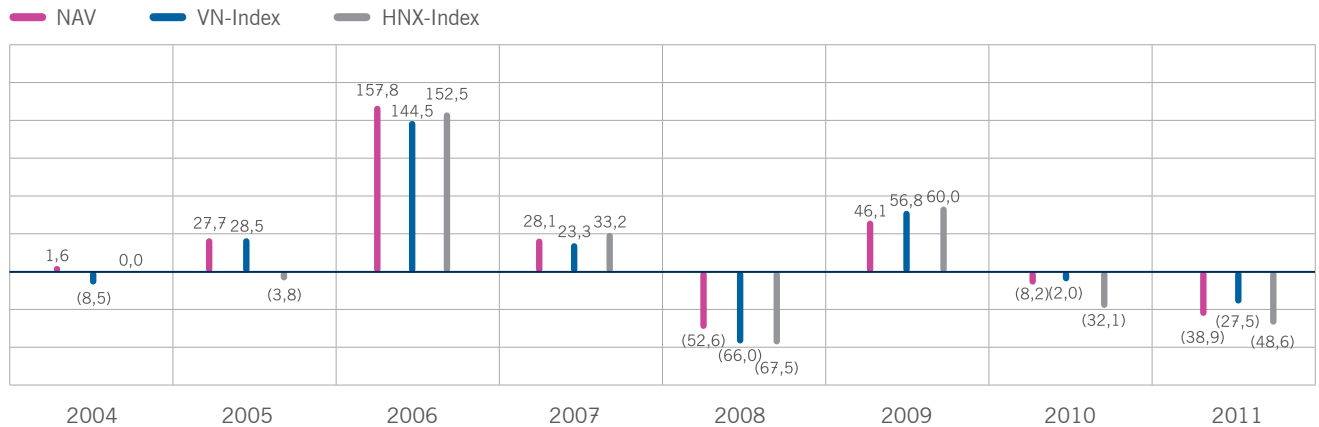


BÁO CÁO NAV

Tăng trưởng NAV lũy kế từ khi hoạt động của VF1 so với Index (20/05/2004 = 100)



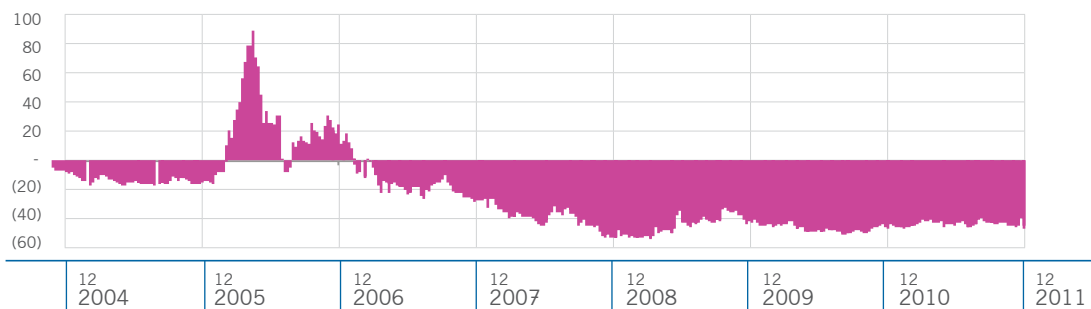
Tăng trưởng năm (%)



Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đầu tư VF1 tại thời điểm 31/12/2011 là 1.298,3 tỷ đồng, tương đương 12.983 đồng/chứng chỉ quỹ, giảm 38,9% so với đầu năm.

Năm 2011 thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục chứng kiến sự lao dốc của cả 2 chỉ số VN-Index (giảm 27,5%) và HNX-Index (giảm 48,6%) đồng thời là năm thứ 2 liên tiếp VN-Index bị ảnh hưởng bởi nhóm 4 cổ phiếu thanh khoản thấp nhưng chiếm tỷ trọng cao, trên 40% giá trị vốn hóa thị trường. Nếu loại bỏ tác động 4 cổ phiếu thanh khoản thấp, VN-Index giảm khoảng 37%, và nếu chỉ chọn 15 mã cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn nhất trên thị trường để tính VN-Index (VN-Top15) thì năm 2011 VN-Top15 đã giảm 50,1%. Các chỉ số thị trường trong năm qua đã phản ánh năm 2011 là một năm cực kỳ khó khăn và ảm đạm của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Khoảng cách giữa NAV và giá thị trường (%)



Trong năm 2011, với tình hình thị trường không mấy khả quan, chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 vẫn giao dịch ở mức chiết khấu cao so với giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ (NAV/ccq). Mức chiết khấu vẫn ở mức trung bình 45%, dao động từ 40,8% đến 49,2%.

DANH MỤC ĐẦU TƯ

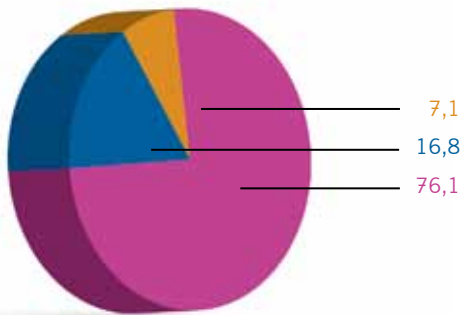
Chiến lược phân bổ tài sản trong năm 2011

Tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 được phân bổ theo hướng tăng tỷ trọng tiền mặt, giảm tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết, và duy trì tỷ trọng cổ phiếu niêm yết ở mức hợp lý.

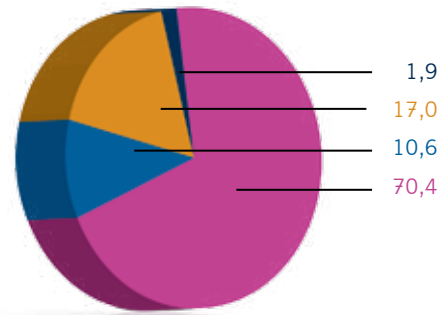
Đối với phân bổ ngành nghề đầu tư, Quỹ đầu tư VF1 đã tập trung đầu tư vào các cổ phiếu hoạt động trong ngành Thực phẩm – Nước giải khát, Năng lượng, Bán lẻ, và Vật liệu - Khai khoáng.

Phân bổ tài sản (%NAV)

2010



2011

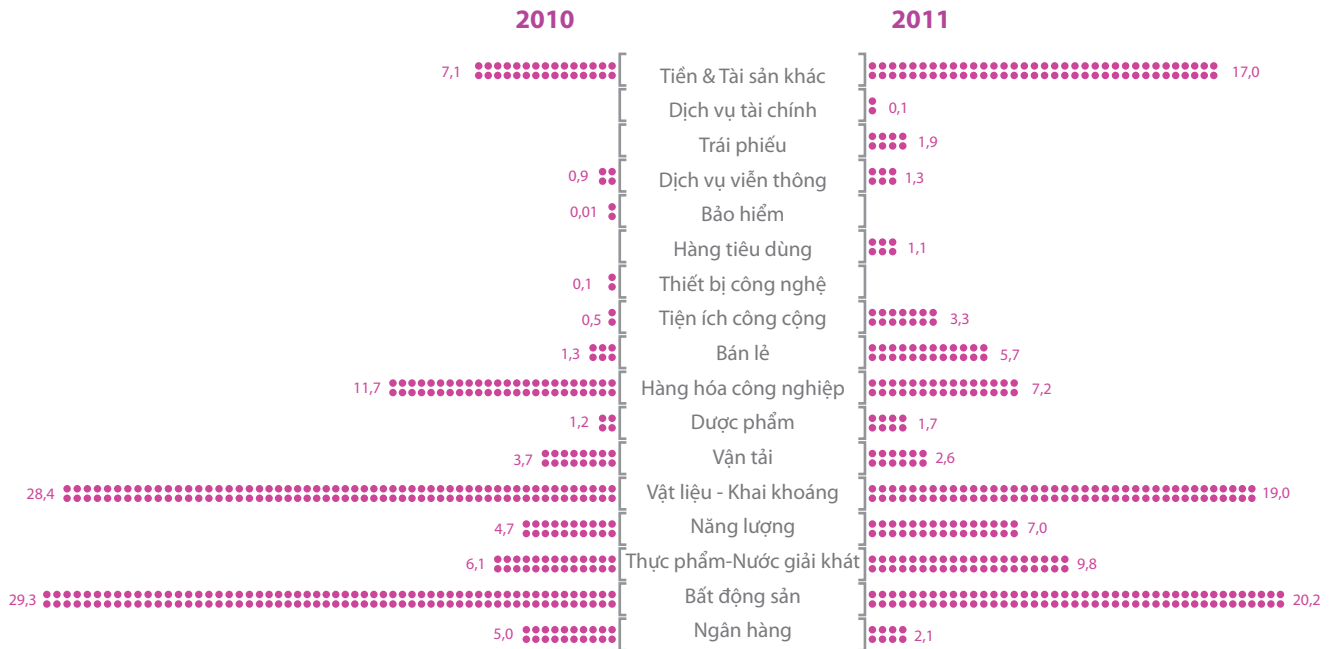


■ Cổ phiếu niêm yết
 ■ Cổ phiếu chưa niêm yết
 ■ Tiền - Tài sản khác
 ■ Trái phiếu

Theo kế hoạch đặt ra đầu năm là giảm dần tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết và tăng tỷ trọng tiền mặt, tính đến ngày 31/12/2011, Quỹ đầu tư VF1 đã giảm tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết trong danh mục từ 16,8%NAV xuống 10,6%NAV và đã tăng tỷ trọng tiền mặt từ mức 7,1%NAV thời điểm đầu năm lên 17,0%NAV vào ngày 31/12/2011.

Trong năm 2011, Quỹ đầu tư VF1 cũng đã thực hiện tinh gọn danh mục cổ phiếu niêm yết, trong đó thanh hoán được phần lớn các cổ phiếu nhỏ, không còn cơ hội tăng trưởng trong thời gian tới. Việc tinh gọn danh mục đã giúp Quỹ giảm tỷ trọng cổ phiếu niêm yết trong danh mục về mức 70,4%NAV so với tỷ trọng 76,1%NAV thời điểm đầu năm.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Với nhận định năm 2011 là năm gặp nhiều khó khăn với những công ty kinh doanh trong các ngành phi sản xuất, Quý đầu tư VF1 đã chủ động thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư theo xu hướng giảm tỷ trọng các ngành phi sản xuất, đang chịu ảnh hưởng của chính sách thắt chặt tiền tệ, và tăng tỷ trọng các ngành sản xuất trong đó tập trung vào các công ty có sự tăng trưởng tốt.

Tương tự, trong năm 2011, Quý đầu tư VF1 đã thực hiện giảm tỷ trọng nhiều ở các ngành Vật liệu – Khai khoáng (giảm 9,4%), Bất động sản (giảm 9,1%) và Hàng hóa công nghiệp (giảm 4,5%).

Trong điều kiện kinh tế khó khăn về thanh khoản, các chính sách tiền tệ thắt chặt, một số ngành vẫn có tăng trưởng và ít bị ảnh hưởng như ngành Bán lẻ, Thực phẩm – Nước giải khát, Tiện ích công cộng cũng đã được Quý đầu tư VF1 giải ngân vào và tăng

tỷ trọng nắm giữ trong danh mục. Cụ thể là ngành Bán lẻ tăng từ 1,3%NAV đầu năm lên 5,7%NAV vào cuối năm; ngành Thực phẩm – Nước giải khát tăng từ 6,1%NAV đầu năm lên 9,8%NAV vào cuối năm; và ngành Tiện ích công cộng trong năm có mức tăng 2,8%NAV so với đầu năm.

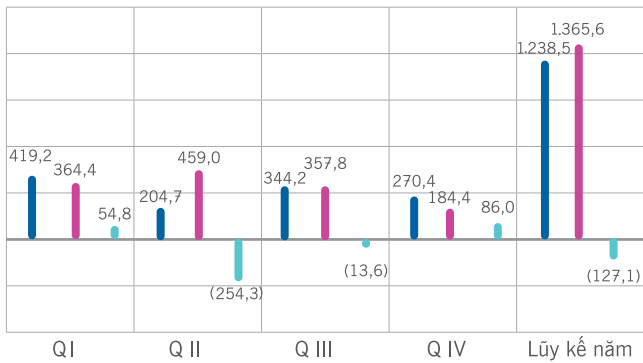
Trong năm, Quý đầu tư VF1 cũng thực hiện thanh toán hoàn toàn 2 ngành chiếm tỷ trọng nhỏ trong danh mục là Bảo hiểm và Thiết bị công nghệ. Một số ngành còn lại đã được Quý duy trì mức đầu tư với tỷ trọng thấp như Ngân hàng (2,1%), Vận tải (2,6%), Dược phẩm (1,7%), Hàng tiêu dùng (1,1%), Dịch vụ viễn thông (1,3%), Dịch vụ tài chính (0,1%), và chủ yếu tập trung vào một số cổ phiếu đúng đầu, có sự tăng trưởng tốt trong những năm tới.

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN & THANH HOÁN

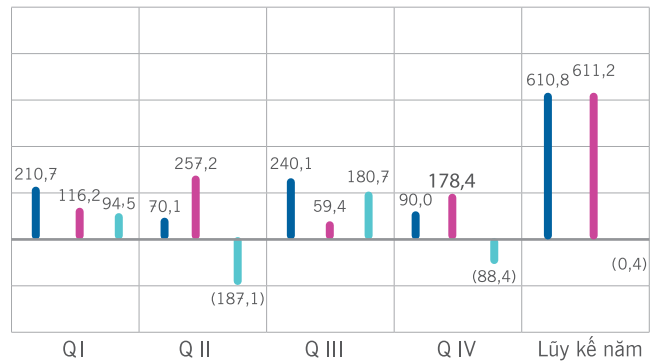
Quy mô giải ngân, thanh toán theo quý (tỷ đồng)

— Giải ngân — Thanh toán — Giải ngân/(thanh toán) ròng

2010



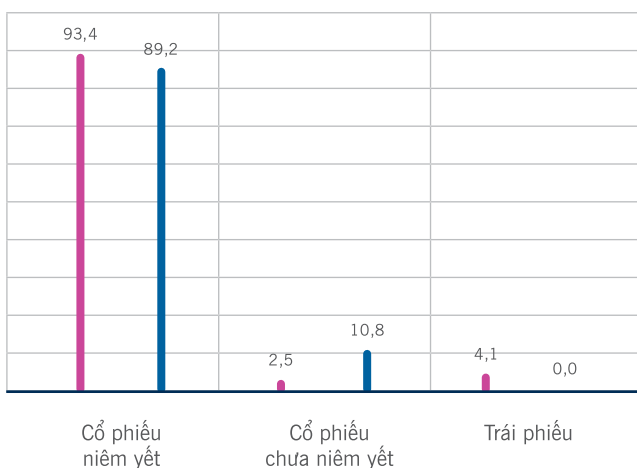
2011



Trong năm 2011, thị trường chứng khoán Việt Nam dù có thêm nhiều cổ phiếu niêm yết mới nhưng khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch trong năm đều suy giảm mạnh. Theo thống kê, tổng khối lượng giao dịch của năm 2011 giảm 29,4% so với tổng khối lượng giao dịch của năm 2010, và tổng giá trị giao dịch của năm 2011 giảm 58,3% so với tổng giá trị giao dịch của năm 2010. Sự giảm mạnh trên cả khối lượng giao dịch cũng như giá trị giao dịch của thị trường chứng khoán đã tác động đến hoạt động giải ngân và thanh toán của Quỹ đầu tư VF1 trong năm qua. Quy mô giải ngân và thanh toán của quỹ chưa bằng ½ quy mô giải ngân và thanh toán năm 2010, giá trị giải ngân đạt 610,8 tỷ đồng (năm 2010: 1.238,5 tỷ đồng) và giá trị thanh toán đạt 611,2 tỷ đồng (năm 2010: 1.365,6 tỷ đồng).

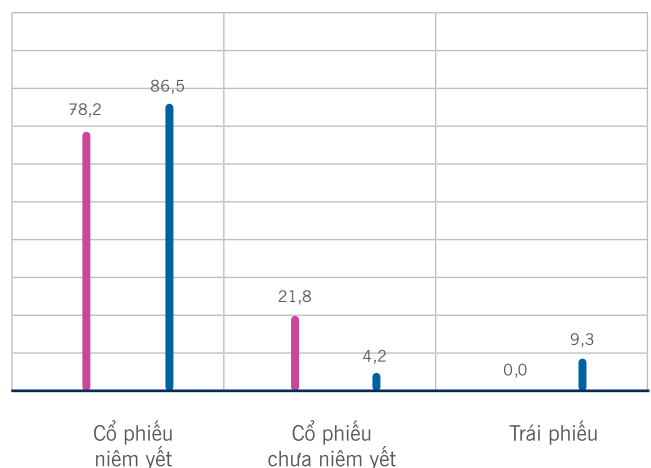
Cơ cấu giải ngân theo loại cổ phiếu (%)

— 2011 — 2011



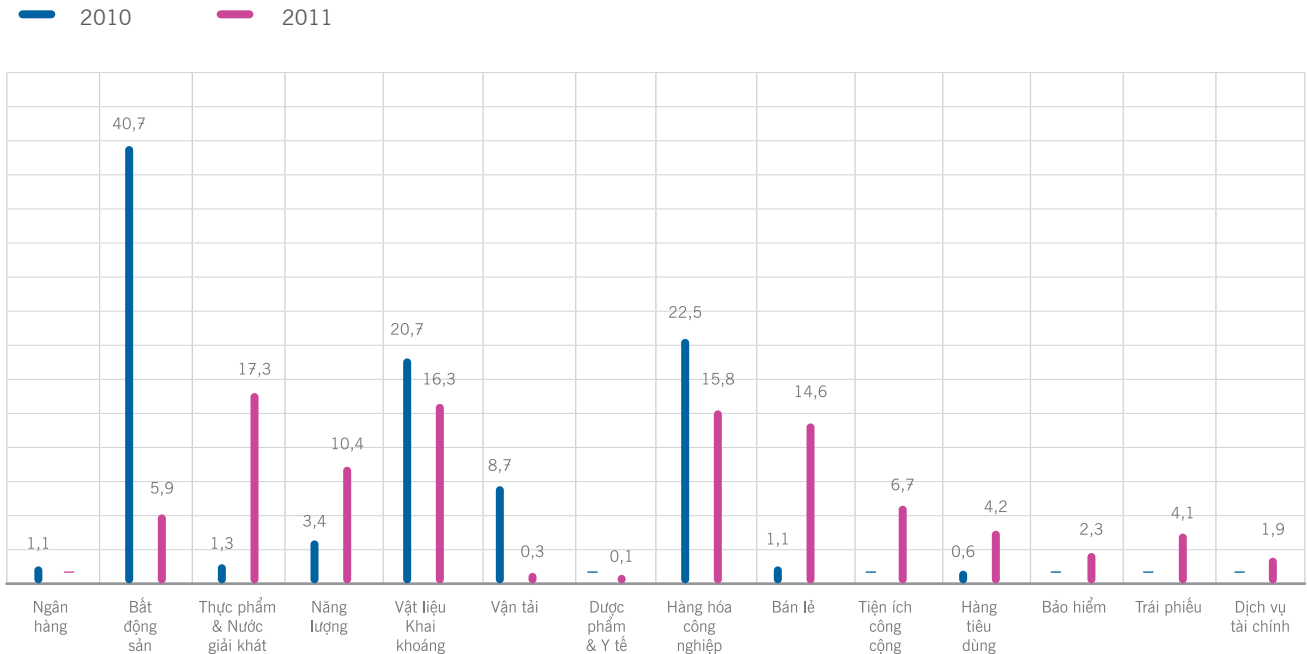
Cơ cấu thanh toán theo loại cổ phiếu (%)

— 2011 — 2011

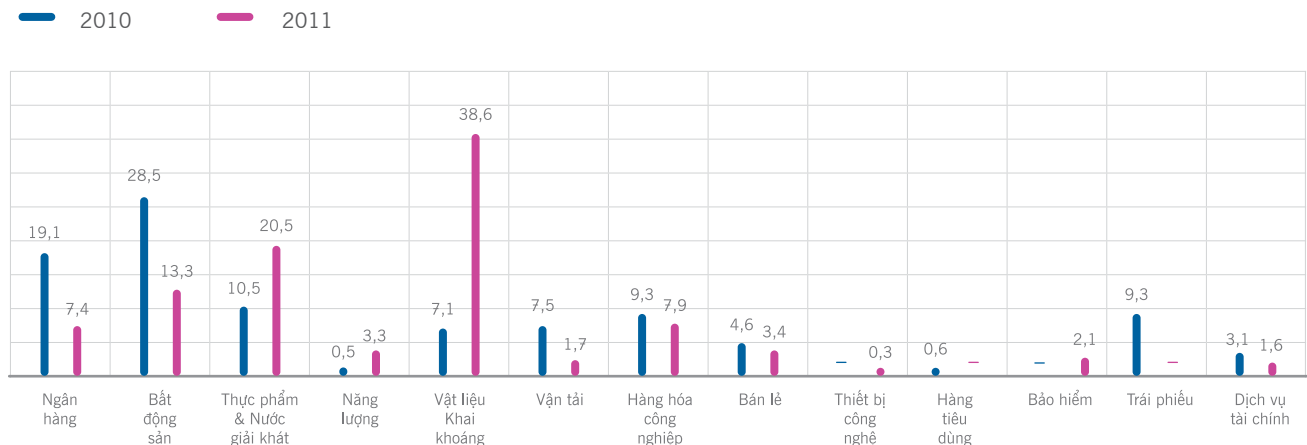


Để thực hiện việc tăng tỷ trọng cổ phiếu niêm yết và giảm tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết, cơ cấu giải ngân của Quỹ đầu tư VF1 trong năm 2011 tập trung ở cổ phiếu niêm yết, thanh khoản cao nhằm tăng tính thanh khoản cho danh mục đồng thời tập trung thanh toán cổ phiếu chưa niêm yết ra khỏi danh mục. Kết quả cơ cấu giải ngân vào cổ phiếu niêm yết năm 2011 chiếm 93,4% giá trị giải ngân và thanh toán cổ phiếu chưa niêm yết chiếm 21,8% giá trị thanh toán.

Cơ cấu giải ngân theo ngành (%)

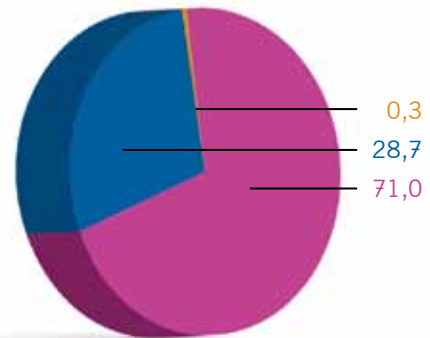
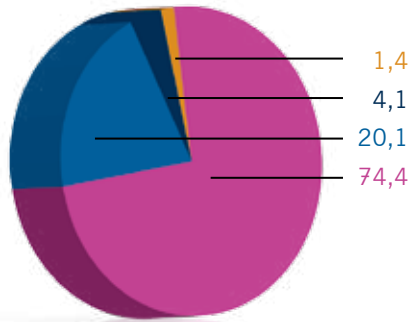


Cơ cấu thanh toán theo ngành (%)



Trong năm 2010, quỹ đầu tư VF1 chủ yếu giải ngân ở các ngành Hạ tầng – Bất động sản, Hàng hóa công nghiệp và Vật liệu Khai khoáng. Tuy nhiên, ở năm 2011, Quỹ đầu tư VF1 đã thực hiện cắt giảm đáng kể tỷ trọng giải ngân vào 3 ngành này bên cạnh việc đẩy mạnh thanh toán ở các ngành Vật liệu – Khai khoáng (38,6%), Thực phẩm – Nước giải khát (20,5%) và Hạ tầng – Bất động sản (13,3%) trên tổng giá trị thanh toán của năm 2011. Riêng ngành Thực phẩm – Nước giải khát được thanh toán trong năm 2011 với mục tiêu hiện thực hóa lợi nhuận do giá cổ phiếu của một số công ty trong ngành đã đạt đến mức kỳ vọng.

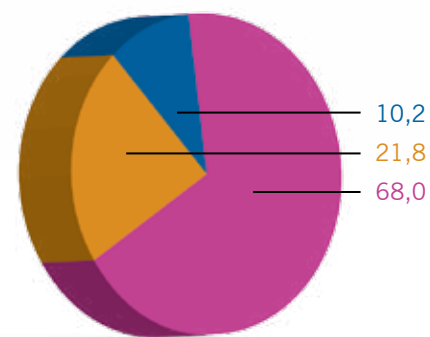
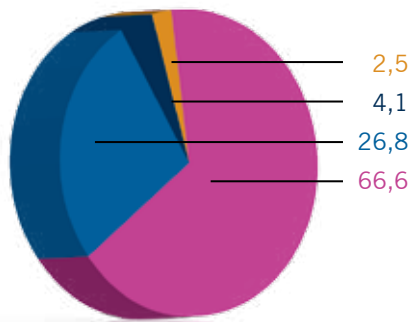
Cơ cấu giải ngân theo vốn hóa thị trường năm 2011 (%) Cơ cấu thanh toán theo vốn hóa thị trường năm 2011 (%)



■ CP có vốn hóa lớn
 ■ CP có vốn hóa trung bình
 ■ CP có vốn hóa nhỏ
 ■ Trái phiếu

Cơ cấu giải ngân theo sàn niêm yết năm 2011 (%)

Cơ cấu thanh toán theo sàn niêm yết năm 2011 (%)



■ Cổ phiếu sàn HOSE
 ■ Cổ phiếu sàn HNX
 ■ Cổ phiếu chưa niêm yết
 ■ Trái phiếu

Thực hiện mục tiêu đầu tư theo kế hoạch là giải ngân vào các cổ phiếu có giá trị vốn hóa thị trường, nên trong năm 2011 Quỹ đầu tư VF1 chủ yếu tập trung giải ngân vào những công ty có vốn hóa lớn chiếm đến 74,4% tổng giá trị giải ngân, tiếp đến là công ty có vốn hóa trung bình chiếm 20,1% tổng giá trị giải ngân. Trong số đó, 66,6% giá trị giải ngân trong năm 2011 rơi vào hầu hết các cổ phiếu có vốn hóa lớn, thanh khoản cao đang được niêm yết tại sàn HOSE.

Danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 chủ yếu là các cổ phiếu hàng đầu trên sàn HOSE. Vì thế, năm 2011 giá trị thanh toán của Quỹ đầu tư VF1 cũng tập trung ở các cổ phiếu trên sàn HOSE chiếm tới 68,0%, tiếp đến là cổ phiếu trên sàn OTC chiếm 21,8% và còn lại là phần thanh toán các cổ phiếu trên sàn HNX chiếm 10,2%. Việc thanh toán này nhằm mục đích để thay thế các cổ phiếu niêm yết có tính thanh khoản cao hơn, giá trị tăng trưởng tốt hơn.

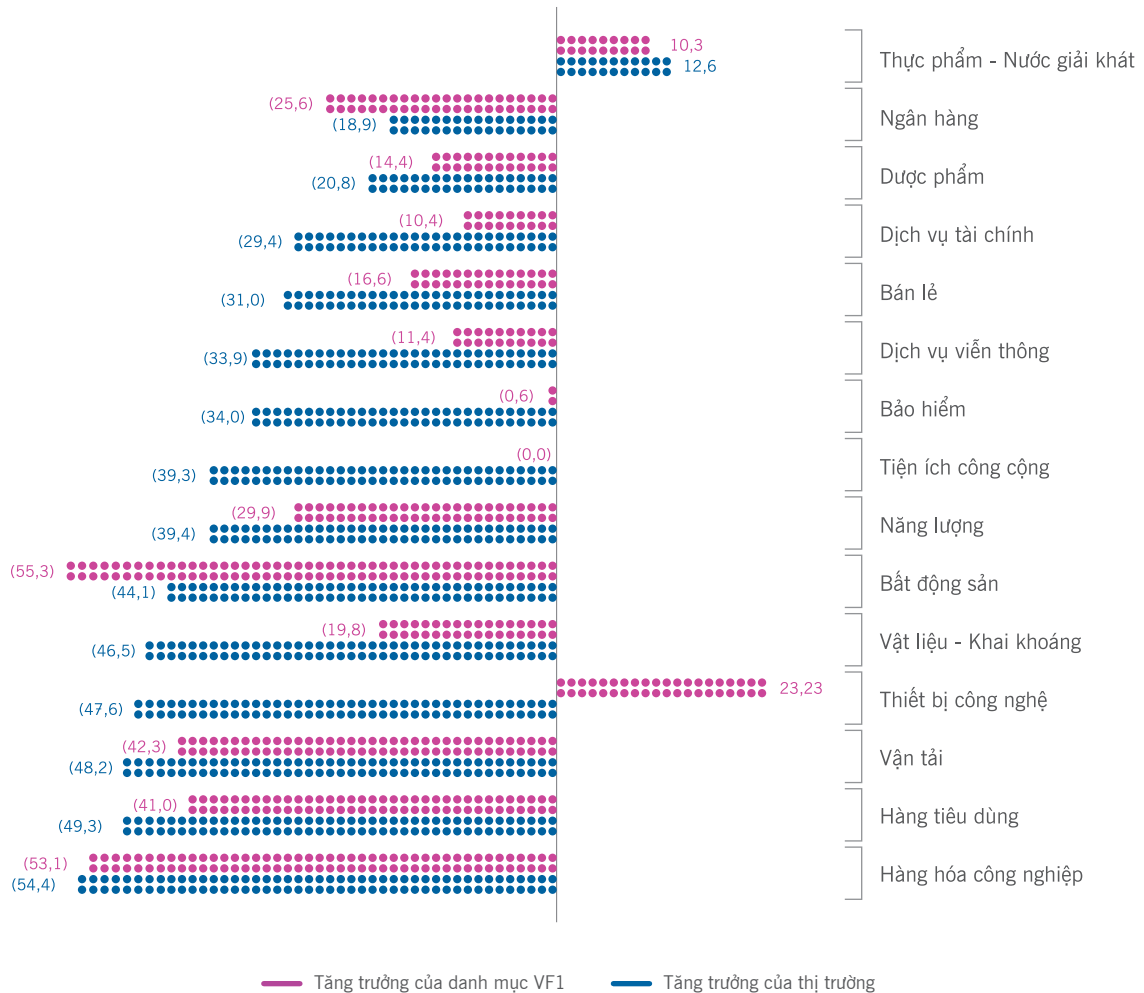
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nội dung (tỷ đồng)	2011	2010	2009	2008	2007
Lãi/(Lỗ) từ việc bán chứng khoán	(123,4)	49,4	224,6	(300,4)	358,8
Chênh lệch giá chứng khoán chưa thực hiện	(777,9)	(292,4)	648,7	(1.824,2)	383,8
Cổ tức & trái tức	89,4	73,8	61,8	121,6	31,5
Lãi/(Lỗ) từ hoạt động đầu tư	(811,9)	(169,2)	935,0	(2.003,0)	774,1
Lãi ngân hàng	21,3	17,2	16,9	35,4	39,2
Chi phí	37,4	51,6	49,1	52,6	63,4
Lãi/ (Lỗ) ròng	(827,9)	(203,6)	902,9	(2.020,2)	749,9

Năm 2011, Quỹ đầu tư VF1 ghi nhận khoản lỗ từ hoạt động đầu tư là 811,9 tỷ đồng, trong đó lỗ từ đánh giá lại chứng khoán chưa thực hiện chiếm 95,8% và lỗ do thực hiện bán chứng khoán sau khi điều chỉnh cổ tức nhận được chiếm 4,2%.

Lỗ ròng trong năm 2011 của Quỹ đầu tư VF1 là 827,9 tỷ đồng sau khi trừ các chi phí hoạt động trong năm của Quỹ.

Tỷ suất lợi nhuận đầu tư của danh mục theo ngành (%)



Đến 31/12/2011 Quỹ đầu tư VF1 đầu tư vào tổng cộng 15 ngành. Trong số ngành đó thị trường ghi nhận với 14/15 ngành có lợi nhuận âm và chỉ duy nhất ngành Thực phẩm – Nước giải khát ghi nhận lợi nhuận dương với mức tăng 12,6% trong năm qua. Trong số ngành Quỹ đầu tư VF1 đầu tư thì năm qua có hai ngành ghi nhận mức lợi nhuận dương đó là ngành Thực phẩm – Nước giải khát và ngành Thiết bị công nghệ. Các ngành còn lại đều ghi nhận mức lợi nhuận âm.

Do đa số các cổ phiếu trên thị trường giảm giá mạnh, vì thế hầu hết các ngành đều chịu ảnh hưởng khá nặng nề trong năm 2011 vừa qua. Các ngành đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 không chênh lệch nhiều so với mức giảm chung của thị trường. Đa số ngành trong danh mục của Quỹ đầu tư VF1 ghi nhận mức tỷ suất lợi nhuận tốt hơn so với thị trường. Tuy đã thanh toán một tỉ lệ khá lớn song 3 ngành chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục của Quỹ đầu tư VF1 vẫn gây ảnh hưởng lớn đến sự giảm giá trị tài sản của Quỹ đầu tư VF1, trong đó thì ngành Hạ tầng – Bất động sản ghi nhận tỷ suất lợi nhuận âm nhiều hơn (khoảng 11,2%) so với thị trường tương ứng mức -55,3% và -44,1%, ngành Vật liệu – Khai khoáng có mức tỷ suất lợi nhuận âm ít hơn so với thị trường tương ứng mức -19,8% và -46,5%, ngành Thực phẩm – Nước giải khát tăng trưởng thấp hơn 2,3% so với sự tăng trưởng thị trường tương ứng mức 10,3% và 12,6%.

DANH MỤC ĐẦU TƯ ĐIỂN HÌNH



VINAMILK



DPM
FERTILIZER & CHEMICALS





Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD)

Đầu tư lớn cho tăng trưởng bền vững

- Công ty Khoan và Dịch vụ Dầu khí (PVD) là một trong những doanh nghiệp hàng đầu về dịch vụ khoan và cho thuê giàn khoan tại Việt Nam với thị phần dịch vụ khoan và các dịch vụ đi kèm chiếm lần lượt khoảng 50% (tăng 40% sau 3 năm) và trên 80% tại Việt Nam.
- Năm 2011 tiếp tục đánh dấu bước tăng trưởng mới của PVD với doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến tăng trưởng lần lượt 12% và 24,7% nhờ các giàn khoan đi vào hoạt động như TAD trong QIV/2011 và hiệu suất sử dụng cao của các giàn khoan do PVD sở hữu cũng như các giàn khoan thuê ngoài trong năm. Giàn khoan đất liền cũng đã chính thức công bố hợp đồng dài hạn tại Algeria trong tháng 11/2011.
- PVD đang tích cực phát triển các dịch vụ chuyên ngành liên quan, với mục tiêu trở thành một nhà cung cấp dịch vụ trọn gói và tầm cỡ trong khu vực.

TRIỂN VỌNG

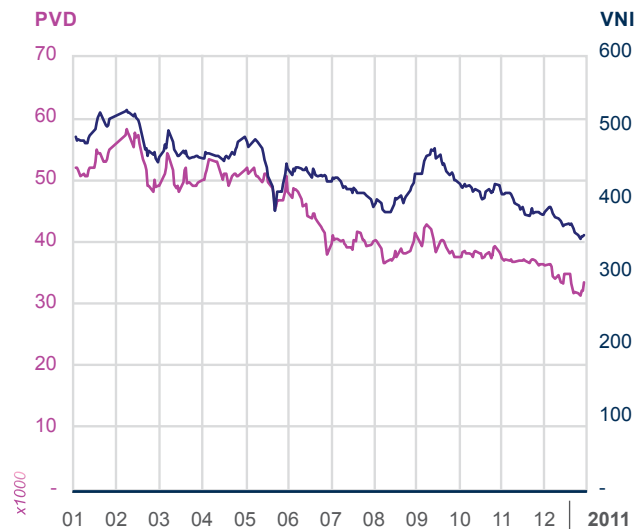
- Năm 2012 được kỳ vọng là một năm tăng trưởng nhanh của PVD do giàn khoan TAD sẽ hoạt động trọn năm với giá thuê ngày cao (205.000 đô Mỹ/ngày).
- Để thực hiện mục tiêu trở thành nhà cung cấp giàn khoan và dịch vụ khoan tầm cỡ trong khu vực, PVD sẽ tiếp tục đầu tư thêm hai giàn khoan mới với tổng giá trị đầu tư khoảng 230 triệu đô Mỹ.
- Ngoài ra, đến năm 2015, Việt Nam sẽ có khoảng 900 giếng dầu khí được khai thác trên đất liền và thềm lục địa, với tốc độ tăng trưởng 50 giếng khoan mới/năm. Với lợi thế là một công ty thành viên của Petro Vietnam, tiềm năng tăng trưởng của PVD là rất lớn theo mục tiêu thăm dò và khai thác đó.

Chỉ tiêu	2011(*)	2010
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	6.988,9	11.130,0
Doanh thu (tỷ đồng)	8.255,0	7.572,0
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1.023,0	881,9
Tỷ suất lợi nhuận ròng	12,4%	11,7%
ROE	16,7%	16,9%
Tăng EPS	5,9%	8,5%
P/E (x)	6,8	12,6
P/B (x)	1,1	2,1
Tỷ suất cổ tức	6,0%	3,8%

(*): Ước tính của VFM

RỦI RO

- Vay nợ: Tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ sở hữu của PVD đang ở mức cao, khoảng 120%. Tỷ lệ này được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong hai năm tới nếu kế hoạch đầu tư giàn khoan mới của PVD được thực hiện đúng tiến độ đề ra.
- Kỹ thuật: PVD đang hoạt động trong lĩnh vực mũi nhọn của cả nước với yêu cầu kỹ thuật cao. Các bất cẩn nhỏ trong quá trình hoạt động của các giàn khoan có thể gây ra các thiệt hại lớn cho môi trường và xã hội.



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu PVD so với VNI năm 2011



Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)

Kết quả kinh doanh và tiềm năng tăng trưởng ấn tượng

- Công ty Sữa Việt Nam (VNM) là công ty lớn nhất trong ngành công nghiệp sữa và các sản phẩm dinh dưỡng với hơn 200 sản phẩm. Các dòng sản phẩm tập trung vào bốn nhóm chính: sữa bột, sữa đặc, sữa nước và sữa chua. Vinamilk là nhà sản xuất sữa lớn nhất tại Việt Nam về thị phần, thương hiệu, năng lực sản xuất và mạng lưới phân phối (với hơn 140.000 điểm bán lẻ).
- Năm 2011 đánh dấu một giai đoạn tăng trưởng mới của Vinamilk với việc đầu tư mạnh vào nguồn nguyên liệu sữa tại nước ngoài: nhà máy sữa Miraka (Vinamilk chiếm 19,3%) chính thức đi vào hoạt động vào tháng 08/2011.
- Doanh thu 2011 của VNM vượt mức 1 tỷ đô-la Mỹ, đạt 21.821 tỷ, tăng 40% so với 2010 và lợi nhuận sau thuế tương ứng đạt 4.166 tỷ, tăng gần 16% so với 2010.

TRIỂN VỌNG

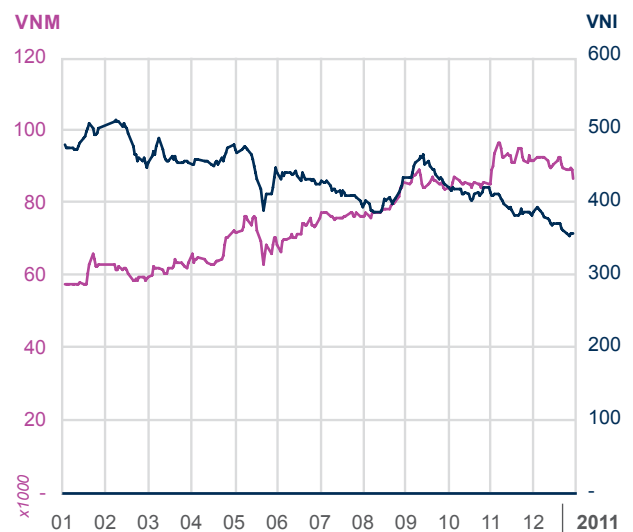
- Vinamilk tiếp tục đầu tư lớn vào mở rộng sản xuất với hai dự án Dielac 2 và Megafactory, dự kiến đi vào hoạt động vào cuối năm 2012 và 2013.
- Lượng sữa tiêu thụ tại Việt Nam vẫn còn thấp, khoảng 14kg/người/năm so với mức trung bình trên 60kg/người/năm của khu vực Châu Á. Tetrapak dự báo tăng trưởng sản lượng tiêu thụ sản phẩm sữa nói chung tại Việt Nam vào khoảng 15%/năm từ nay đến năm 2015.
- Bên cạnh đó, nhận thức của người tiêu dùng về công dụng của sữa và thu nhập người dân ngày một cao là một trong những yếu tố đóng góp vào tiềm năng tăng trưởng của Vinamilk.

RỦI RO

- Cạnh tranh cực kỳ gay gắt, đặc biệt là tại hai phân khúc sữa nước và sữa bột. Trong đó đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Vinamilk tại phân khúc sữa nước là Dutch Lady, và tại phân khúc sữa bột là Abbott và Mead Johnson. Thị phần của các đối thủ này không thua kém Vinamilk nhiều và dự báo cạnh tranh sẽ vẫn rất khốc liệt trong thời gian tới.
- Sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu khiến rủi ro của Vinamilk nhiều hơn do tính không ổn định về cung ngày càng cao và biến động giá nguyên liệu lớn.

Chỉ tiêu	2011(*)	2010
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	48.076,7	30.358,0
Doanh thu (tỷ đồng)	21.821,4	15.752,9
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	4.166,6	3.616,2
Tỷ suất lợi nhuận ròng	19,1%	23,0%
ROE	43,7%	50,2%
Tăng EPS	16,7%	51,4%
P/E (x)	11,7	8,1
P/B (x)	4,4	3,7
Tỷ suất cổ tức	3,5%	4,8%

(*): Số liệu chưa hợp nhất



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu VNM so với VN-Index năm 2011



Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)

Lợi thế quy mô và thị phần chi phối

- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM) là doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam áp dụng công nghệ sản xuất phân đạm (urê) từ khí đồng hành với quy trình khép kín, công nghệ hiện đại từ Châu Âu.
- DPM với vị trí đi đầu trong sản xuất phân đạm (công suất 800 nghìn tấn/năm) đã cung ứng 80% sản lượng sản xuất trong nước và chiếm hơn 40% thị phần phân urê của cả nước.
- Trong năm 2012, DPM bắt đầu phân phối khoảng 560 nghìn tấn phân đạm do nhà máy Đạm Cà Mau sản xuất, nâng cao năng lực cung ứng và vị thế công ty trên thị trường.

TRIỂN VỌNG

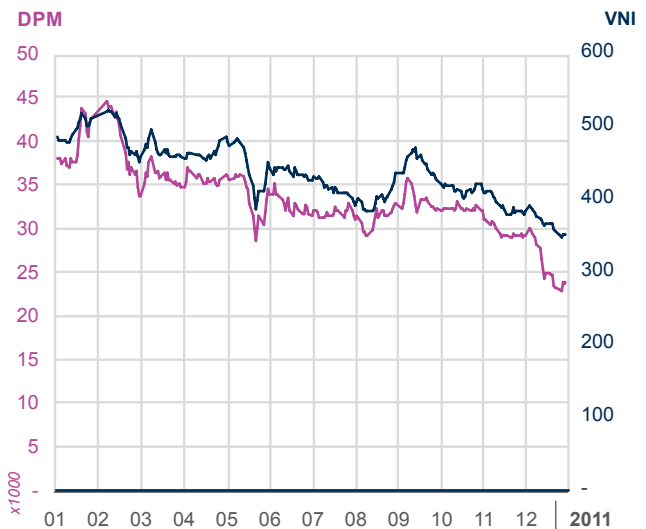
- Việc ra đời của Đạm Cà Mau trong năm 2012, với sản phẩm urê Cà Mau do DPM phân phối sẽ giúp DPM nắm thị phần chi phối về urê tại Việt Nam (khoảng 80% thị phần cả nước).
- Mục tiêu chiến lược của DPM là cung cấp cho thị trường trong nước nguồn phân bón ổn định có chất lượng cao. Ngoài urê là sản phẩm chính, DPM sẽ đẩy mạnh kinh doanh hóa chất với mục tiêu chiếm lĩnh 20-30% thị trường hóa chất dầu khí và 7-10% thị trường hóa chất nông nghiệp.

RỦI RO

- Giá khí đầu vào: với lộ trình tăng giá khí mới (+40% trong năm 2012, và +2% cho các năm sau), lợi nhuận của DPM sẽ bị ảnh hưởng trong năm 2012, dự báo giảm 5% so với 2011.
- Nguồn cung urê - Giá urê thế giới: theo dự báo, sẽ có khoảng 20 nhà máy urê mới trên thế giới đi vào hoạt động trong năm 2012, khiến nguồn cung urê tăng mạnh, nguy cơ ảnh hưởng đến giá urê thế giới cũng như giá urê của DPM.
- Đạm Cà Mau: việc DPM mua lại hay tiếp nhận vốn tại Đạm Cà Mau sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của DPM vì hai lý do: giảm mạnh nguồn thu tài chính từ nguồn tiền mặt hiện nay và tăng mạnh khấu hao (trường hợp mua trên 51% Đạm Cà Mau).

Chỉ tiêu	2011(*)	2010
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	9.044,0	14.440,0
Doanh thu (tỷ đồng)	9.226,5	6.618,8
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	3.103,7	1.706,9
Tỷ suất lợi nhuận ròng	39,6%	25,8%
ROE	35,5%	27,4%
Tăng EPS	84,2%	26,3%
P/E (x)	2,9%	8,5%
P/B (x)	0,9	2,3
Tỷ suất cổ tức	6,3%	5,3%

(*): Số liệu chưa kiểm toán



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu DPM so với VN-Index năm 2011



Công ty Cổ phần Tập đoàn FPT (FPT)

Tập đoàn công nghệ hàng đầu Việt Nam

- Công ty Tập đoàn FPT (FPT) là tập đoàn đa ngành, tập trung chủ yếu vào bốn mảng chính gồm phân phối điện thoại và hàng công nghệ thông tin, phần mềm, viễn thông, và tích hợp hệ thống.
- Qua hơn 20 năm, FPT phát triển từ một công ty chế biến thực phẩm sang tập đoàn kinh doanh đa ngành, khẳng định được vị thế và chiếm lĩnh thị phần lớn trong các mảng hoạt động kinh doanh. Trong những năm gần đây, FPT mở rộng đầu tư sang các ngành giáo dục, bất động sản, ngân hàng... và đã thu được một số thành công nhất định.
- Với doanh thu đạt hơn 1 tỷ đô-la Mỹ, FPT tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ mang thương hiệu FPT, đẩy mạnh hoạt động quốc tế, và trở thành tập đoàn công nghệ lớn nhất nước.

TRIỂN VỌNG

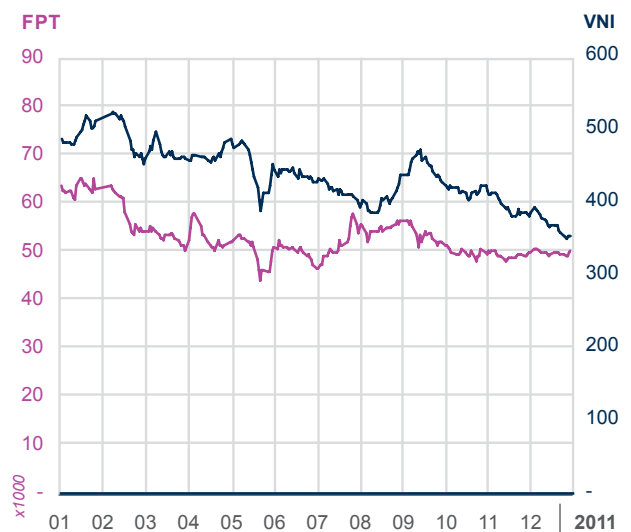
- Mảng tích hợp hệ thống có tiềm năng tăng trưởng tốt với tỷ suất lợi nhuận biên khá cao cho dù tốc độ tăng trưởng có phần chậm lại. Mảng viễn thông được kỳ vọng là sẽ tiếp tục phát triển và mang lại lợi nhuận đáng kể cho FPT. Lĩnh vực xuất khẩu phần mềm được FPT đẩy mạnh ra các thị trường mới bên cạnh việc giữ vững các thị trường lớn sẵn có như thị trường Nhật Bản, Mỹ.
- FPT đang dần chuyển hướng sang tự sản xuất các sản phẩm công nghệ mang thương hiệu FPT như F-mobile, máy tính bảng FPT... tạo tiềm năng tăng trưởng cho FPT Trading khi thị trường phân phối đạt đến mức bão hòa.

RỦI RO

- Công nghệ thông tin và viễn thông là ngành có tốc độ phát triển cao, thay đổi rất nhanh, và rất cạnh tranh. Hiện có nhiều công ty tham gia cạnh tranh trực tiếp với FPT trên hầu hết các lĩnh vực kinh doanh chính (CMC lĩnh vực tích hợp hệ thống, HiPT lĩnh vực phần mềm, PET và Trần Anh cạnh tranh mảng phân phối...). Áp lực cạnh tranh sẽ tiếp tục gia tăng trên các mảng hoạt động hiện đang có biên lợi nhuận cao như tích hợp hệ thống, viễn thông (Elcom), và xuất khẩu phần mềm.
- FPT buộc phải đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ mang thương hiệu của mình để cạnh tranh. Việc FPT mở rộng mạnh mẽ theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu sẽ đặt ra yêu cầu rất cao về quản lý và phân bổ các nguồn lực về tài chính, nhân sự... có thể làm giảm khả năng cạnh tranh trong các lĩnh vực then chốt.

Chỉ tiêu	2011(*)	2010
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	10.735,2	15.181,9
Doanh thu (tỷ đồng)	25.439,8	20.017,3
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	2.089,0	1.691,7
Tỷ suất lợi nhuận ròng	8,1%	8,5%
ROE	37,6%	33,0%
Tăng trưởng EPS	4,0%	10,2%
P/E (x)	6,2	8,2
P/B (x)	1,9	2,1
Tỷ suất cổ tức	3,5%	3,1%

(*): Số liệu chưa hợp nhất



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu FPT so với VN-Index năm 2011



CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh (VSH)

Công ty thủy điện có mức vốn hóa lớn nhất trên sàn HOSE

- Công ty Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh (VSH) hiện đang quản lý hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh với tổng công suất 133 MW. Trung bình mỗi năm, công ty sản xuất hơn 850 triệu kWh điện. Công ty đang hoàn thiện việc đầu tư nâng cấp hồ chứa của hai nhà máy hiện hữu, nâng sản lượng điện bình quân thêm khoảng 50 triệu kWh/năm.
- Trong giai đoạn 2011-2015, VSH dự kiến đầu tư khoảng gần 5.700 tỷ đồng cho thủy điện Thượng Kon Tum với công suất 220 MW. Đây sẽ là dự án trọng điểm của công ty trong giai đoạn sắp tới.

TRIỂN VỌNG

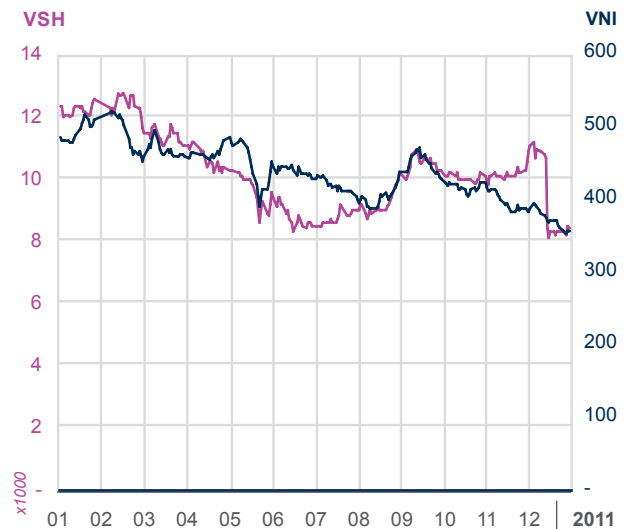
- Với thời gian phát điện hàng năm của mỗi nhà máy hơn 6.000 giờ, hai nhà máy của VSH đang hoạt động hiệu quả hơn nhiều so với các nhà máy thủy điện khác, trung bình khoảng 4.000 – 4.500 giờ/năm, chủ yếu nhờ thuận lợi về thời tiết và vị trí đặt nhà máy.
- Hơn nữa, mặc dù hai nhà máy hiện đã khấu hao được 60% nhưng năng suất khai thác gần như không suy giảm, nhờ vào chất lượng đầu tư tốt của các tổ máy. Do đó, lợi nhuận trong vài năm tới được kì vọng tăng đều khi một số tài sản đã hết khấu hao. Đây là lợi thế so sánh khá lớn của VSH so với các nhà máy thủy điện khác, đặc biệt các nhà máy mới đầu tư.

RỦI RO

- Việc thương lượng giá điện cho năm 2010 giữa VSH và EVN vẫn chưa kết thúc. Giá điện là một ẩn số lớn đối với hoạt động của công ty và các nhà đầu tư tiềm năng. Hiện nay, VSH đang phải tạm tính giá điện bằng 90% giá bình quân của năm 2009.
- Dự án Thượng Kon Tum: VSH hiện đã chi hơn 300 tỷ VNĐ cho dự án này. Với giá trị đầu tư khoảng 5.700 tỷ, công ty dự kiến vay ngân hàng 70% để tài trợ cho dự án. Trong bối cảnh thắt chặt tiền tệ và lãi suất cao như hiện nay, việc tìm được nguồn tài trợ và khả năng giải ngân thực sự là một trở ngại rất lớn.

Chỉ tiêu	2011(*)	2010(**)
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	1.711,8	2.557,4
Doanh thu (tỷ đồng)	451,2	425,5
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	330,4	302,4
Tỷ suất lợi nhuận ròng	73,0%	71,0%
ROE	13,0%	13,0%
Tăng trưởng EPS	10,0%	-32,0%
P/E (x)	5,1	8,4
P/B (x)	0,7	1,0
Tỷ suất cổ tức	14,5%	9,7%

(*): VFM ước tính, giá bán điện bằng 90% giá bán năm 2009
 (**): Lấy giá bán điện bằng 90% giá bán trong năm 2009



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu VSH so với VN-Index năm 2011



Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB)

Thương hiệu gắn liền với ngành khai thác và chế biến đá xây dựng

- Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB) là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu ngành khai thác và chế biến khoáng sản ở Đông Nam Bộ với trữ lượng lớn: mỏ đá Tân Đông Hiệp 4,1 triệu m³, mỏ đá Phước Vĩnh và Tân Mỹ 6,3 triệu m³ (đã được mở rộng diện tích khai thác thêm 50ha).
- Bên cạnh đó, KSB cũng đã tham gia vào lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp với khu công nghiệp Đất Cuốc, gồm 2 khu: Khu A rộng 103 ha (đã lấp đầy 79%), Khu B rộng 108 ha (đã cho thuê 16%).

TRIỂN VỌNG

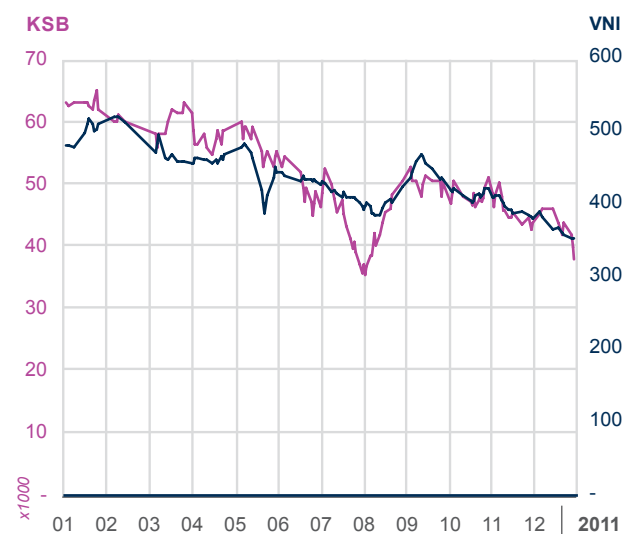
- Trong dài hạn, nhu cầu khoáng sản tại Việt Nam vẫn còn rất cao, đặc biệt là đối với những nguyên vật liệu xây dựng, nhờ vào tốc độ phát triển nhanh của xây dựng, đô thị hóa, và sản xuất công nghiệp công nghiệp. Theo đó, trong 10 năm qua, ngành xây dựng tăng trưởng ổn định ở mức 15% mỗi năm.
- Hơn thế nữa, KSB vừa có được giấy phép khai thác mỏ cao lanh Minh Long với tổng trữ lượng 12,1 triệu m³. Do vậy, từ năm 2012, KSB sẽ có thêm khoản lợi nhuận mới ổn định.

RỦI RO

- Kinh tế vĩ mô bất ổn: trong thời gian tới, với chính sách thắt chặt đầu tư của Chính phủ, KSB sẽ phải đối mặt với nhu cầu giảm sút khi các công trình xây dựng, cơ sở hạ tầng đã, đang và sẽ tiếp tục bị kéo dài.
- Đồng thời, chúng tôi cũng quan ngại những rủi ro phát sinh sau năm 2013 khi mỏ đá Tân Đông Hiệp hết hạn khai thác. Công ty đang nỗ lực đề xuất tăng thêm thời gian khai thác khoảng 2-3 năm đối với mỏ đá này. Tuy nhiên, kế hoạch này có thể gặp trở ngại, đặc biệt với chủ trương kiểm soát chặt chẽ nguồn tài nguyên khoáng sản của Chính phủ trong thời gian vừa qua.

Chỉ tiêu	2011(*)	2010
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	396,9	663,4
Doanh thu (tỷ đồng)	545,9	498,7
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	121,0	125,9
Tỷ suất lợi nhuận ròng	22,2%	25,2%
ROE	28,8%	33,3%
Tăng EPS	-3,9%	18,8%
P/E (x)	3,6	5,3
P/B (x)	1,0	1,8
Tỷ suất cổ tức	6,1%	8,1%

(*): Số liệu chưa hợp nhất



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu KSB so với VN-Index năm 2011

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ



Giới thiệu Ban Đại diện Quỹ



Ông LƯU ĐỨC KHÁNH
Chủ tịch



Bà NGUYỄN BỘI HỒNG LÊ
Phó Chủ tịch



Ông LÊ VĂN PHÚ
Thành viên



Ông HOÀNG KIẾN
Thành viên



Ông ĐẶNG THÁI NGUYÊN
Thành viên



Ông PHAN MINH TUẤN
Thành viên

Vai trò Ban Đại diện đối với hoạt động Quỹ



Quỹ đầu tư đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của thị trường chứng khoán nói chung và ngành quản lý quỹ nói riêng, đồng thời một cách gián tiếp góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển. Ở các thị trường phát triển, quỹ đầu tư được xem như là một kênh đầu tư được quan tâm nhiều nhất và nhận được nhiều sự tin nhiệm ủy thác đầu tư. Để các hoạt động của quỹ đầu tư minh bạch, hiệu quả, các quy trình, chiến lược đầu tư của quỹ được giám sát chặt chẽ, quyền lợi của nhà đầu tư được bảo vệ, vai trò của Ban Đại diện quỹ ngày càng quan trọng.

Ban Đại diện Quỹ đầu tư VF1 được nhà đầu tư bầu ra tại Đại hội Thường niên bao gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó chủ tịch, và các thành viên hoạt động với nhiệm kỳ ba năm. Vì Ban Đại diện quỹ đóng vai trò quan trọng trong suốt quá trình quỹ hoạt động, tiêu

chẩn chọn lựa thành viên Ban Đại diện là cần thiết để đáp ứng đủ các yêu cầu về kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn.

Quỹ đầu tư VF1 đã qua 8 năm hoạt động cùng với nhiều thăng trầm, sóng gió của thị trường chứng khoán Việt Nam. Ban Đại diện Quỹ đầu tư VF1 cũng xây dựng được một đội ngũ các thành viên gắn bó lâu dài với quỹ. Với tinh thần trách nhiệm cao, cùng với tình cảm dành cho quỹ, các thành viên Ban Đại diện kiên trì tham gia cùng với các hoạt động của quỹ, đóng góp sự hiểu biết, kinh nghiệm của mình để cùng Ban điều hành quỹ mang lại các kết quả tối ưu nhất cho quỹ.

Hoạt động Ban Đại diện Quỹ trong năm 2011

Trong năm 2011, Ban Đại diện Quỹ đầu tư VF1 đã trải qua 4 kỳ họp chính thức, trong đó 1 kỳ họp lấy ý kiến và biểu quyết qua văn bản về các báo cáo hoạt động, định hướng và chiến lược hoạt động của quỹ.



Trong lần lấy ý kiến và biểu quyết thay cho lần họp đầu năm vào tháng 2/2011, toàn bộ các thành viên Ban Đại diện quỹ đã thống nhất thông qua kế hoạch và định hướng hoạt động Quý I/2011 của Quỹ đầu tư VF1.

Kết thúc Quý I, các thành viên Ban Đại diện quỹ cùng đại diện Ngân hàng giám sát Vietcombank đã tổ chức buổi họp định kỳ vào tháng 5/2011. Tại buổi họp, hầu hết các nhận định chung về tình hình kinh tế vĩ mô không có dấu hiệu chuyển biến tích cực và dự kiến sẽ kéo dài, Ban Đại diện Quỹ đầu tư VF1 thống nhất với đề xuất bảo toàn giá trị quỹ đang có chứ không thực hiện các chiến lược mua/bán các loại cổ phiếu hoặc chạy theo các cổ phiếu mang tính dẫn dắt thị trường hoặc các cổ phiếu được làm giá. Ngoài ra, trong thời gian này, hoạt động đầu tư của quỹ cần tập trung nhiều hơn vào việc củng cố và tinh gọn danh mục đầu tư. Buổi họp cũng thông qua đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán PWC cho Quỹ đầu tư VF1 trong năm 2011.

Vào ngày 12/07/2011, Quỹ đầu tư VF1 họp định kỳ tại Tp.HCM với đầy đủ 06 thành viên Ban Đại diện tham dự. Để giúp tăng cường thêm lượng thông tin đa chiều về tình hình kinh tế vĩ mô,

các nhận định và định hướng thị trường, Ban điều hành Quỹ đã mời các giáo sư, tiến sĩ đến tham dự buổi thảo luận về tình hình kinh tế vĩ mô tác động ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán cùng với Ban Đại diện các Quỹ do công ty VFM quản lý.

Trong năm 2014, vì thời hạn hoạt động của quỹ dự kiến sẽ đáo hạn, các thành viên Ban Đại diện đề nghị hoạt động đầu tư của quỹ nên ưu tiên lựa chọn các khoản đầu tư hoặc cổ phiếu mang tính thanh khoản cao. Ban điều hành quỹ cũng cập nhật thông tin về các hoạt động chăm sóc nhà đầu tư và tiến độ xây dựng các cơ sở hạ tầng Quỹ mở để đón đầu các cơ hội thị trường mới.

Trong lần họp cuối năm vào tháng 10/2011 tại Hà Nội, theo báo cáo của ban điều hành quỹ, danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 đã được tinh gọn và tập trung chủ yếu vào các loại cổ phiếu mang tính thanh khoản cao. Ngoài các hoạt động thường kỳ như phân tích đánh giá hoạt động đầu tư của Quỹ và thông qua đề xuất về kế hoạch hoạt động đầu tư trong Quý IV, các thành viên Ban Đại diện quỹ đã xem xét và chấp thuận kế hoạch chuẩn bị Báo cáo thường niên và Đại hội thường niên nhà đầu tư trong năm 2011.



VIETFUND MANAGEMENT

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) là công ty quản lý quỹ trong nước đầu tiên hoạt động tại Việt Nam, đi đầu trong việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng cho nhà đầu tư. Qua hơn tám (08) năm phát triển đồng hành với thị trường chứng khoán Việt Nam, chúng tôi đã được ghi nhận với những thành tựu nhất định: ba (03) quỹ công chứng niêm yết, quỹ thành viên, các sản phẩm dịch vụ quản lý danh mục đầu tư đang hoạt động, và mạng lưới kết nối rộng lớn với nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trải qua những năm kinh tế khó khăn sau khủng hoảng, năm 2011 tiếp tục là một năm đầy sóng gió cho tất cả các doanh nghiệp hoạt động ở mọi ngành nghề. Khi các giải pháp, chính sách của chính phủ về điều hành kinh tế vĩ mô từ đầu năm đang từng bước phát huy tác dụng thì doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính như công ty VFM cũng đã năng động chuyển mình để ứng phó với hoàn cảnh. Trong năm qua, ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên công ty đã đồng tâm cùng nhau thực hiện những mục tiêu chung để vượt qua giai đoạn khó khăn kéo dài. Chúng tôi cố gắng duy trì các hoạt động cơ bản, linh động cân đối và hiệu quả hóa chi phí cố định để không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chính. Để tập trung toàn nguồn lực vào hoạt động cốt lõi là nghiên cứu và đầu tư, chúng tôi thiết lập Ủy ban giám sát và quản trị rủi ro kiểm soát tất cả các mảng hoạt động đồng thời chúng tôi tiếp tục tìm kiếm và bổ sung nhân sự có trình độ cao nhiều kinh nghiệm vào đội ngũ công ty, đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chuyên môn chuẩn bị cho kế hoạch phát triển tiếp theo của công ty.

Bước sang năm 2012 với những nhận định, dự báo trong bức tranh đa sắc của nền kinh tế thế giới lẫn trong nước, ban lãnh đạo của công ty VFM vẫn xác định cho mình từng bước đi nhỏ cụ thể và chắc chắn với tinh thần đầy lạc quan rằng công tác hỗ trợ, tái cấu trúc thị trường tài chính của cơ quan nhà nước sẽ mang đến những cơ hội mới cho các doanh nghiệp như công ty VFM và cả nhà đầu tư. Thông tin về việc các cơ quan quản lý ban hành thông tư thành lập quỹ mở chính là một bước tiến mới đối với thị trường chứng khoán nói chung và các công ty quản lý quỹ nói riêng. Công ty VFM đã sẵn sàng cho ra đời các sản phẩm tài chính mới từng bước phù hợp với hoàn cảnh và khả năng đáp ứng của thị trường. Đó là những sản phẩm quỹ đầu tư chuyên biệt vận hành trên mô hình quỹ mở như quỹ đầu tư vào chỉ số, quỹ trái phiếu, quỹ hưu trí, quỹ ETF v.v... đã được chúng tôi đầu tư nghiên cứu với sự hỗ trợ từ công ty quản lý quỹ giàu kinh nghiệm Dragon Capital và các đối tác uy tín khác trong ngành tài chính. Bên cạnh đó, chúng tôi đang triển khai xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin, đào tạo, huấn luyện nâng cao chuyên môn cho đội ngũ nhân sự để có những sản phẩm khả thi và mang lại kết quả đầu tư, đáp ứng mong đợi của thị trường nhà đầu tư trong giai đoạn mới.



Sự kiện và hoạt động xã hội trong năm 2011



Chương trình Chạy bộ từ thiện TERRY FOX

Nhằm mang lại không khí vui tươi, hoạt động có ý nghĩa cho toàn thể gia đình và nhân viên, công ty VFM tiếp tục hưởng ứng chương trình chạy bộ Terry Fox diễn ra vào cuối tháng 11 vừa qua. Đây là chương trình chạy bộ từ thiện quyên góp cho Quỹ nghiên cứu bệnh ung thư do lãnh sự quán Canada tổ chức và đây là lần thứ năm liên tiếp công ty VFM tham gia chương trình này.

Chung tay góp sức

Những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những trường hợp bất hạnh luôn là mối quan tâm và là điểm đến của Ban Từ Thiện công ty VFM chúng tôi. Với mong muốn xoa dịu bớt nỗi đau về thể chất lẫn tinh thần, chúng tôi thăm hỏi trực tiếp, trao những phần quà nhỏ ngày Tết cho các bệnh nhân nghèo ở Bệnh viện Truyền máu và Huyết học, cũng như giúp đỡ một phần kinh phí cho trường hợp bệnh nhân nhỏ tuổi ở bệnh viện Ung bướu bị ung thư mắt. Chúng tôi mong muốn rằng sự chia sẻ này sẽ góp sức cho họ có thêm nghị lực vượt qua giai đoạn khó khăn trong cuộc sống.

Nối nhịp yêu thương

Với tâm huyết hy vọng xóa đi những cây cầu khỉ nguy hiểm vùng nông thôn, công ty VFM tiếp tục đóng góp xây dựng chiếc cầu tại Ấp Tây, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp mang tên Cầu Xẻo Lãng. Chiếc cầu bê tông này được hoàn thành sau gần hai tháng thi công với nguồn kinh phí trích từ quỹ từ thiện do cán bộ công nhân viên công ty VFM quyên góp. Từ nay hai bên bờ đã được nối lại gần nhau hơn, cho những em thơ đến trường được an toàn, người dân nông thôn bớt đi sự lo lắng mỗi khi qua sông.



Đồng hành cùng chương trình CHỨNG KHOÁN ẢO FESE 8

Sau tám năm tổ chức, công ty VFM tiếp tục là một trong những nhà tài trợ chính cho chương trình chứng khoán ảo FESE 8 (www.fese.uel.edu.vn) do Trường đại học Kinh tế - Luật tổ chức từ 12/11 đến 26/11 dành cho các bạn sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng trong Tp.HCM. Đây là hoạt động thường niên quan trọng của trường dành cho các bạn sinh viên mong muốn thâm nhập thực tế về hoạt động giao dịch của thị trường chứng khoán chạy trên mô hình và dữ liệu thật của hai sàn HOSE và HSX. Chương trình năm nay đã thu hút hơn 2.000 sinh viên tham gia với nhiều giải thưởng cá nhân và đồng đội đại diện cho các quỹ đầu tư cùng nhau thi tài. Đây thực sự là sân chơi hữu ích cho các nhà đầu tư tương lai, các sinh viên sắp tốt nghiệp giúp họ có kiến thức vững vàng và chuyên nghiệp trước khi tham gia vào thị trường lao động đầy cạnh tranh.

Cuộc thi kinh tế học TẦM NHÌN BẠN VÀ TÔI

Hưởng ứng hoạt động thực tiễn dành cho sinh viên các trường đại học, công ty VFM đã tài trợ cho cuộc thi Kinh tế học – Tầm nhìn bạn và tôi lần thứ 8 do khoa Kinh tế phát triển – ĐH Kinh tế Tp.HCM tổ chức diễn ra từ 17/03 đến 14/05/2011. Với hơn 5.000 sinh viên đăng ký dự thi, đây là sân chơi bổ ích để ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn kinh tế Việt Nam và thế giới nhằm tìm ra cách tốt nhất giúp đất nước phát triển. Một “sân chơi học thuật” để trau dồi kiến thức, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm với các bạn sinh viên trong trường Đại học Kinh tế TP.HCM cũng như các trường Đại học khác trên địa bàn Tp.HCM.

Sản phẩm và Dịch vụ

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã và đang trải qua thời điểm khó khăn khi VN-Index vào những ngày cuối năm giảm mạnh so với đầu năm 2011. Những khó khăn xuất phát từ sự bất ổn của tình hình kinh tế vĩ mô, lạm phát gia tăng, hệ thống tài chính ngân hàng thắt chặt v.v... đã kéo theo sự suy giảm của dòng vốn chảy vào thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, với những tín hiệu dần ổn định của nền kinh tế thế giới thì tình hình vĩ mô tại Việt Nam cũng được dự báo sẽ có dấu hiệu ổn định trong thời gian tới với rất nhiều gói giải pháp khác nhau để cấu trúc lại nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Điều này cho thấy sự quyết tâm của chính phủ Việt Nam trong việc khôi phục lại hệ thống tài chính tiền tệ trong năm 2012 – 2013.

Trong suốt gần 10 năm gắn bó với TTCKVN, Công ty VFM luôn cam kết đồng hành cùng nhà đầu tư trong những thời gian khó khăn nhất của thị trường. Trong thời gian vừa qua, mặc dù kết quả hoạt động của các quỹ do công ty VFM quản lý có những điểm sáng nhất định nhưng thị giá giao dịch của quỹ vẫn có sự suy giảm chung cùng với xu hướng của thị trường, hiện nay thị giá còn khoảng gần 50% so với giá trị NAV của quỹ. Điều này phản ánh những bất cập của Quỹ đóng hiện nay, mặc dù các quỹ hoạt động vẫn tốt nhưng cổ đông vẫn phải giao dịch với giá trị thấp hơn giá trị thật của nó. Nhìn thấy được những hạn chế này, công ty VFM luôn tìm kiếm những công cụ đầu tư khác đồng thời đề bạt với các cơ quan chức năng để ban hành khung pháp lý để khắc phục những khó khăn cho nhà đầu tư. Vào những ngày cuối năm, Ủy ban Chứng khoán nhà nước (UBCKNN) cũng đã ban hành Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở từ ngày 16/12/2011. Đây là nền tảng quan trọng để các sản phẩm mới ra đời thu hút vốn trở lại từ nhà đầu tư.

Xu hướng chung thì hơn 90% các Quỹ đang hoạt động trên thế giới là Quỹ mở, vì vậy việc UBCKNN ban hành khung pháp lý cho phép ra đời Quỹ mở tại Việt Nam là điều hợp lý. Việc thành lập và cho ra đời cơ chế hoạt động của Quỹ mở đúng vào thời điểm này có thể được xem là một hành động hỗ trợ thị trường nói chung và mang một ý nghĩa rất lớn đối với công ty VFM nhất

là khi chúng tôi đang cố gắng khắc phục những vấn đề bất cập của Quỹ đóng cho các nhà đầu tư. Quỹ mở được xem như là một công cụ đầu tư mới linh hoạt và hiệu quả hơn trong việc giao dịch các chứng chỉ quỹ với công ty Quản lý Quỹ. Vốn đầu tư của Quỹ mở luôn linh hoạt, giá trị ban đầu có thể là 100 tỷ, 200 tỷ, 500 tỷ hay 1000 tỷ tùy vào tình hình thị trường mà bất kỳ lúc nào nhà đầu tư có thể linh hoạt đóng tiền vào hoặc rút tiền ra tại giá trị NAV của quỹ mà không chịu ảnh hưởng bởi sự chênh lệch giữa giá trị giao dịch và giá trị NAV như Quỹ đóng. Nhà đầu tư có thể giao dịch trực tiếp với công ty Quản lý quỹ mà không bị phụ thuộc vào cung cầu của thị trường. Thêm vào đó, Quỹ mở cũng sẽ mở ra một kênh đầu tư mới thu hút vốn trở lại từ các nhà đầu tư nước ngoài vốn còn do dự khi tham gia vào một thị trường còn non trẻ như Việt Nam.

Để đáp ứng những nhu cầu mới của nhà đầu tư từ khung pháp lý mới của Quỹ mở, trong thời gian vừa qua Công ty VFM đã chủ động nghiên cứu tìm hiểu và tập huấn các mô hình phát triển Quỹ mở khác nhau tại một số nước có mô hình tài chính gần giống với Việt Nam. Với những bước chuẩn bị chi tiết, chúng tôi đã sẵn sàng đón đầu những cơ hội đầu tư mới bằng cách cho ra đời các sản phẩm tài chính mới từng bước phù hợp với điều kiện và khả năng đáp ứng của thị trường. Được sự hỗ trợ từ các chuyên gia kinh tế tài chính tại công ty Dragon Capital, công ty Quản lý quỹ VFM đã nghiên cứu rất nhiều mô hình quỹ mở hiện đang được áp dụng phổ biến trên thế giới để từ đó chọn ra các mô hình phù hợp và hiệu quả nhất tại Việt Nam. Mặt khác chúng tôi cũng đang triển khai hoàn chỉnh cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho việc giao dịch của Quỹ mở.

Quỹ mở là nền tảng cơ bản để chúng tôi hình thành các công cụ đầu tư khác nhau để thu hút nhà đầu tư. Một loạt hình thức quỹ mà chúng tôi dự kiến có thể giới thiệu đến các nhà đầu tư như Quỹ chỉ số, quỹ trái phiếu, công cụ đầu tư tiền tệ thậm chí cả quỹ hưu trí bổ sung khi điều kiện pháp lý cho phép... Khung pháp lý này sẽ góp phần giải quyết những bất cập của quỹ đóng, giúp đa dạng hóa sản phẩm đầu tư, kéo theo sự phát triển của khu vực bảo hiểm và an sinh xã hội.

QUỸ CHỈ SỐ

Đầu tư chỉ số hiện nay là một trong những loại hình đầu tư có quy mô lớn nhất trên các thị trường chứng khoán trên toàn cầu. Với việc mô phỏng lại theo một chỉ số mục tiêu, nhà đầu tư thay vì phải thực hiện mua/bán với từng cổ phiếu thì có thể thực hiện với toàn bộ rổ cổ phiếu thông qua việc chỉ mua/bán chứng chỉ quỹ đầu tư chỉ số. Với quy mô lớn và phổ biến, Quỹ đầu tư chỉ số có nhiều ưu điểm hơn hẳn so với các hình thức đầu tư quỹ khác:

- Phí quản lý thấp
- Biên động ổn định tương đương với thị trường
- Loại bỏ các yếu tố rủi ro do chọn sai cổ phiếu
- Hoạt động theo hình thức Quỹ mở nên tránh rủi ro giá giao dịch chứng chỉ quỹ bị chiết khấu so với NAV của Quỹ như hiện có ở Quỹ đóng.

Các quỹ đầu tư chỉ số thường có chỉ số mục tiêu được hình thành từ các cổ phiếu đại diện cho thị trường, có giá trị thị trường lớn, có tính thanh khoản cao và mức độ biến động giá so với thị trường cũng ít. Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xây dựng các bộ chỉ số khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của nhà đầu tư và làm tiền đề phát triển cho thị trường chứng khoán Việt Nam bắt kịp với xu hướng của thế giới. Theo kế hoạch, bộ chỉ số đầu tiên được đưa vào thực tiễn là bộ chỉ số VN30. Đây chính là tiền đề để công ty VFM giới thiệu sản phẩm quỹ chỉ số cho Nhà Đầu tư.

QUỸ TRÁI PHIẾU

Đầu tư trái phiếu luôn là một trong những hình thức đầu tư, an toàn và có quy mô lớn nhất ở bất kỳ thị trường tài chính nào trên thế giới. Tại Việt Nam, thị trường trái phiếu có quy mô khiêm tốn nhưng việc giao dịch lại gặp nhiều khó khăn. Vì vậy quỹ đầu tư trái phiếu sẽ là lựa chọn phù hợp cho những nhà đầu tư có vốn không lớn vì số tiền đầu tư vào quỹ trái phiếu ít hơn so với số tiền mà nhà đầu tư phải bỏ ra khi mua trực tiếp một trái phiếu nào đó và sở hữu ngay một danh mục trái phiếu đa dạng. Ngoài ra, nhu cầu đầu tư trái phiếu của các định chế tài chính khác là rất cao bởi đầu tư trái phiếu là yếu tố cốt lõi trong việc quản lý tài sản ở các tổ chức này.

Nắm bắt được những nhu cầu cần thiết của các định chế tài chính lớn, Công ty VFM cùng với các chuyên gia về đầu tư trái phiếu tại Dragon Capital đã và đang nghiên cứu để cho ra đời một quỹ trái phiếu với một danh mục đầu tư đa dạng với cách quản lý tài sản linh hoạt đem lại hiệu quả đầu tư tốt nhất cho nhà đầu tư.

QUỸ HỖ TRỢ NHÂN SỰ

Chăm sóc nhân tài tại các doanh nghiệp luôn là kim chỉ nam trong việc phát triển các sản phẩm tài chính tại Công ty VFM. Quỹ đầu tư hỗ trợ nhân sự Việt Nam sẽ được Công ty VFM thiết kế chuyên biệt với mục tiêu hỗ trợ chăm lo cho tương lai nguồn nhân lực. Chúng tôi cung cấp một sản phẩm kết hợp khả năng thanh khoản vốn và thu nhập trong tương lai nhằm bảo vệ người lao động khỏi sự sụt giảm phúc lợi xã hội và mang lại khả năng có được mức thu nhập đảm bảo cuộc sống trong những năm hưu trí sau này.

Hiện nay, các Quỹ hưu trí trên thế giới đều gặp phải khó khăn do cấu trúc dân số ngày một già đi, Việt Nam trong tương lai gần cũng gặp những khó khăn như vậy. Vì vậy, công ty VFM hy vọng sẽ là một trong những đơn vị tiên phong trong việc cho ra đời những sản phẩm hưu trí bổ sung để góp phần chăm sóc và bảo vệ nhân tài Việt Nam.

Các hoạt động với nhà đầu tư trong năm 2011

Năm 2011, tình hình kinh tế thế giới đón nhận những thông tin không mấy khả quan, và thị trường chứng khoán trên thế giới cũng như tại Việt Nam bị ảnh hưởng đáng kể bởi cuộc suy thoái kinh tế. Trước tình hình đó, công ty VFM luôn nỗ lực hết sức trong các hoạt động của quý, đồng thời vẫn duy trì công tác chăm sóc nhà đầu tư như mọi năm, tăng cường mối quan hệ hai chiều giữa công ty VFM và nhà đầu tư các quý.

- Cung cấp định kỳ các báo cáo NAV, điểm tin tháng, bản tin quý thông qua email, thư tín, website.
- Tháng 12/2011 vừa qua, website www.vinafund.com của công ty VFM đã được cập nhật các chức năng mới, tiện dụng trong việc tìm kiếm các thông tin liên quan đến hoạt động quý.
- Những thắc mắc hoặc góp ý liên quan của nhà đầu tư luôn được tiếp nhận tại địa chỉ email ir@vinafund.com và đường dây nóng (08) – 3825 1480.

Trong năm qua, chúng tôi luôn nhận được sự ủng hộ chia sẻ và các ý kiến đóng góp từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đây là nguồn động lực rất lớn thúc đẩy chúng tôi tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các hoạt động chăm sóc nhà đầu tư (IR), giúp công ty vượt qua những khó khăn trước mắt.

Đại hội Nhà đầu tư thường niên các quý năm 2010

Sáng ngày 22/03/2011 và 24/03/2011, tại Khách sạn Rex, Tp.HCM, công ty VFM lần lượt tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2010 của Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1) và Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4). Tiếp đó, vào ngày 29/03/2011, Đại hội Nhà đầu tư Thường niên lần thứ nhất của Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam cũng được tổ chức âm cúng tại khách sạn Sofitel Plaza, Tp.HCM.

Đại hội Thành viên góp vốn của Quỹ đầu tư Tăng Trưởng Việt Nam (VF2) cũng đã hoàn tất vào ngày 31/03/2011. Tại các buổi đại hội, các nhà đầu tư đã tham gia chia sẻ đóng góp ý kiến với Ban điều hành quỹ trong tình hình hoạt động các quỹ và thị trường chứng khoán gặp nhiều khó khăn.



Kế hoạch công tác IR năm 2012

Tháng 12/2011, Bộ Tài chính đã chính thức ban hành Thông tư 183/2011/TT-BTC về việc thành lập quỹ mở và chuyển đổi quỹ đóng sang quỹ mở, bên cạnh việc hoàn tất dự thảo Thông tư mới hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, bao gồm các loại quỹ ETF, quỹ đầu tư bất động sản và các loại công ty đầu tư chứng khoán. Thông tư về quỹ mở sẽ tạo nền tảng pháp lý để từ đó hình thành nên nhiều sản phẩm đầu tư mới, làm gia tăng sự tham gia của nhà đầu tư có tổ chức, dòng vốn đầu tư, nhà đầu tư sẽ có nhiều lựa chọn hơn.

Trước những cơ hội và thách thức mới từ thị trường chứng khoán, năm 2012, Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư sẽ chú trọng đẩy mạnh công tác IR:

- Định kỳ cung cấp thông tin cập nhật về kết quả hoạt động của các quỹ đến nhà đầu tư;
- Tổ chức các buổi gặp gỡ, hội thảo nhằm tạo cầu nối trao đổi thông tin hai chiều, liên tục giữa công ty VFM và nhà đầu tư các quỹ;
- Tổ chức các buổi tọa đàm giới thiệu về mô hình quỹ mở, tư vấn về cách thức hoạt động, lợi ích của quỹ mở và giải đáp thắc mắc của quỹ nhà đầu tư liên quan đến mô hình này.

Lịch tổ chức **Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2011** của các quỹ:

THÁNG 3 - 2012				
Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
			01/03/2012	02/03/2012
				Công ty VFM gửi thư mời tham dự đại hội và Báo cáo thường niên đến Nhà đầu tư
05/03/2012	06/03/2012	07/03/2012	08/03/2012	09/03/2012
Nhà đầu tư thực hiện việc xác nhận đăng ký tham dự Đại hội Nhà đầu tư 2011 bằng cách gọi điện về số 08 – 3825 1488 hoặc ủy quyền trong trường hợp vắng mặt bằng cách gửi fax về số 08 – 3825 1489.				
12/03/2012	13/03/2012	14/03/2012	15/03/2012	16/03/2012
Nhà đầu tư thực hiện việc xác nhận đăng ký tham dự Đại hội Nhà đầu tư 2011 bằng cách gọi điện về số 08 – 3825 1488 hoặc ủy quyền trong trường hợp vắng mặt bằng cách gửi fax về số 08 – 3825 1489.				
19/03/2012	20/03/2012	21/03/2012	22/03/2012	23/03/2012
	Quỹ đầu tư VF1 Đại hội Nhà đầu tư 2011 Phòng Lotus, Lầu 1, Khách sạn Rex, 141 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM		Quỹ đầu tư VF4 Đại hội Nhà đầu tư 2011 Phòng Lotus, Lầu 1, Khách sạn Rex, 141 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM	
26/03/2012	27/03/2012	28/03/2012	29/03/2012	30/03/2012
	Quỹ đầu tư VFA Đại hội Nhà đầu tư 2011 Phòng Sun Flower, Lầu 1, Khách sạn Rex, 141 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM		Quỹ đầu tư VF2 Đại hội Nhà đầu tư 2011 Phòng Sun Flower, Lầu 1, Khách sạn Rex, 141 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM	



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VF1)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Thông tin chung về Quý	45	Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT)	53
Báo cáo của Ban Đại diện Quý	46	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT)	55
Báo cáo của kiểm toán viên	47	Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT)	56
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT)	49	Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT)	59
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT)	51		

THÔNG TIN CHUNG

Giấy phép phát hành chứng chỉ Quỹ ra công chúng	01/GP-QĐT cấp ngày 24 tháng 3 năm 2004
Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ	01/UBCK-NYQĐT cấp ngày 22 tháng 9 năm 2004
Giấy chứng nhận đăng ký thành lập	01/UBCK-ĐKQĐT cấp ngày 20 tháng 5 năm 2004 Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 10 năm.
Ban đại diện Quỹ	
Ông Lưu Đức Khánh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Kiên	Thành viên
Ông Phan Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Văn Phú	Thành viên
Ông Đặng Thái Nguyên	Thành viên
Công ty Quản lý Quỹ	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Trụ sở đăng ký	Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán để các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (“Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động của Quỹ trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 49 đến trang 72. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (“Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động của Quỹ trong niên độ kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Lưu Đức Khánh

Chủ tịch

Ngày 13 tháng 02 năm 2012



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (“Quỹ”) được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 13 tháng 02 năm 2012. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 49 đến trang 72.

Trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đối với các báo cáo tài chính

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động của Quý trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quý đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán.



A blue ink signature, "Lê Văn Hòa", is written on the right side of the page.

Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chủ tịch
Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3004
Ngày 13 tháng 02 năm 2012

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B01 - QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2011 VNĐ	2010 VNĐ
A.	TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3.1	183.786.302.756	142.813.506.433
120	2. Đầu tư chứng khoán	3.2	1.077.061.023.628	1.976.976.468.686
130	3. Phải thu hoạt động đầu tư	3.3	59.395.227.800	2.080.506.400
131	4. Phải thu khác	3.4	7.031.105.821	16.725.608.391
200	TỔNG TÀI SẢN		1.327.273.660.005	2.138.596.089.910
B.	NGUỒN VỐN			
300	I. NỢ PHẢI TRẢ		28.937.869.426	12.328.300.187
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	3.5	25.295.874.551	7.184.788.836
314	2. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		92.000.000	91.999.996
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	3.6	2.256.527.673	3.706.154.663
318	4. Phải trả khác	3.7	1.293.467.202	1.345.356.692
400	II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.298.335.790.579	2.126.267.789.723
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư		2.224.170.820.910	2.224.170.820.910
	<i>Trong đó:</i>			
411	1.1 Vốn góp	3.8.1	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	1.2 Thặng dư vốn	3.8.2	1.224.170.820.910	1.224.170.820.910
420	2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	3.9	(925.835.030.331)	(97.903.031.187)
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.327.273.660.005	2.138.596.089.910

Các thuyết minh từ trang 59 đến trang 72 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B01 - QĐT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
		2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chứng khoán theo mệnh giá		570.655.090.000	497.679.710.000



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

MẪU SỐ B02 - QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày	
			31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN				
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư		(10.868.154.837)	142.176.696.232
11	1. Cổ tức được nhận		89.415.596.000	67.443.282.226
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		-	6.340.065.000
13	3. Lãi tiền gửi		21.345.927.696	17.212.174.596
14	4. (Lỗ)/thu nhập bán chứng khoán		(121.658.863.351)	47.774.114.974
18	5. Thu nhập khác		29.184.818	3.407.059.436
30	II. Chi phí		39.163.416.754	53.383.728.016
31	1. Phí quản lý Quỹ	3.11 (i)	33.529.972.546	47.222.643.954
32	2. Phí lưu ký, giám sát Quỹ	3.11 (ii)	1.374.728.878	1.946.394.612
33	3. Chi phí họp, đại hội		751.513.593	935.800.583
34	4. Chi phí kiểm toán		349.206.413	295.749.300
38	5. Phí và chi phí khác	3.10	3.157.995.324	2.983.139.567
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện		(50.031.571.591)	88.792.968.216

Các thuyết minh từ trang 59 đến trang 72 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B02 - QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày	
			31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN				
60	I. Thu nhập		65.818.390.996	144.324.651.799
61	1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư		65.818.390.996	144.324.651.799
70	II. Chi phí		843.718.818.549	436.720.384.413
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư		843.718.818.549	436.720.384.413
80	III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện		(777.900.427.553)	(292.395.732.614)
90	Lỗ trong năm		(827.931.999.144)	(203.602.764.398)



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO TÀI SẢN

MẪU SỐ B05 - QĐT

Mã số	Chi tiêu	Tại ngày 31 tháng 12	
		2011 VNĐ	2010 VNĐ
1	Tiền	183.786.302.756	142.813.506.433
2	Các khoản đầu tư	1.077.061.023.628	1.976.976.468.686
2.1	Trái phiếu	25.041.095.890	-
2.2	Cổ phiếu	1.052.019.927.738	1.975.772.968.686
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	914.455.849.400	1.617.484.177.300
2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	137.564.078.338	358.288.791.386
2.3	Quyền mua cổ phiếu niêm yết	-	1.203.500.000
3	Cổ tức được nhận	3.928.704.000	13.937.191.726
4	Lãi được nhận	3.102.401.821	1.738.416.665
5	Phải thu bán chứng khoán	59.395.227.800	2.080.506.400
6	Phải thu khác	-	1.050.000.000
	Tổng tài sản	1.327.273.660.005	2.138.596.089.910

Các thuyết minh từ trang 59 đến trang 72 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÀI SẢN (tiếp theo)

MẪU SỐ B05 - QĐT

Tại ngày 31 tháng 12

Mã số	Chỉ tiêu	2011 VNĐ	2010 VNĐ
7	Phải trả giao dịch chứng khoán	25.295.874.551	7.184.788.836
8	Phải trả khác	3.641.994.875	5.143.511.351
	Tổng nợ	28.937.869.426	12.328.300.187
	Tài sản ròng của Quý	1.298.335.790.579	2.126.267.789.723
9	Tổng số đơn vị quỹ	100.000.000	100.000.000
10	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	12.983	21.263



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

MẪU SỐ B06 - QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	2.126.267.789.723	2.479.870.554.121
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	(827.931.999.144)	(353.602.764.398)
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	(827.931.999.144)	(203.602.764.398)
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong năm	-	(150.000.000.000)
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	1.298.335.790.579	2.126.267.789.723



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B07 - QĐT

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2011 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	Cổ phiếu niêm yết			914.455.849.400	68,90%
1	BVS	12	8.900	106.800	0,00%
2	BCI	1.952.530	14.900	29.092.697.000	2,18%
3	CCL	996.090	10.300	10.259.727.000	0,77%
4	DPM	6.577.960	23.800	156.555.448.000	11,80%
5	DPR	792.960	46.300	36.714.048.000	2,77%
6	FPT	1.268.490	49.700	63.043.953.000	4,75%
7	HAG	1.916.120	19.500	37.364.340.000	2,81%
8	IMP	174.000	38.700	6.733.800.000	0,51%
9	GMD	1.728.600	17.900	30.941.940.000	2,33%
10	LSS	778.770	20.300	15.809.031.000	1,19%
11	KSB	1.327.580	37.100	49.253.218.000	3,71%
12	MSN	10.000	90.500	905.000.000	0,07%
13	NTL	5.633.580	12.700	71.546.466.000	5,39%
14	PVC	928.900	12.000	11.146.800.000	0,84%
15	PVD	1.713.640	33.200	56.892.848.000	4,29%
16	PVX	2.278.255	6.800	15.492.134.000	1,17%
17	PVS	1.899.000	14.700	27.915.300.000	2,10%
18	SDT	1.332.000	9.400	12.520.800.000	0,94%
19	SJS	3.465.000	22.800	79.002.000.000	5,95%
20	SD5	1.153.800	21.300	24.575.940.000	1,85%
21	TCM	1.716.580	8.400	14.419.272.000	1,09%
22	TTF	16.409	5.800	95.172.200	0,01%
23	VCS	317.357	10.700	3.395.719.900	0,26%
24	VC2	823.760	14.100	11.615.016.000	0,88%
25	VNM	1.023.165	86.500	88.503.772.500	6,67%
26	VSH	4.000.000	8.300	33.200.000.000	2,50%
27	VMC	718.000	15.000	10.770.000.000	0,81%
28	XMC	2.011.000	8.300	16.691.300.000	1,26%

Các thuyết minh từ trang 59 đến trang 72 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B07 - QĐT

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2011 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/ Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
II	Cổ phiếu chưa niêm yết			137.564.078.338	10,36%
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	2.489.534	8.333	20.745.286.822	1,56%
2	Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	770.000	23.333	17.966.410.000	1,35%
3	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	221.638	10.667	2.364.212.546	0,18%
4	Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè	550.000	16.400	9.020.000.000	0,68%
5	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ	321.319	16.950	5.446.357.050	0,41%
6	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	714.600	8.700	6.217.020.000	0,47%
7	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung ương 25	300.000	52.167	15.650.100.000	1,18%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3 - 2	808.840	2.400	1.941.216.000	0,15%
9	Công ty Cổ phần Phát triển A&B	11.922	2.977.560	35.498.470.320	2,67%
10	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	216.800	28.667	6.215.005.600	0,47%
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	1.500.000	11.000	16.500.000.000	1,24%
III	Quyền mua cổ phiếu niêm yết			-	-
1	Quyền mua PVX (*)	4.683.100	-	-	-
IV	Trái phiếu chuyển đổi			25.041.095.890	1,89%
1	Trái phiếu chuyển đổi Dabaco	250.000	100.164	25.041.095.890	1,89%

(*) Vào ngày định giá, giá thị trường của cổ phiếu nắm giữ thấp hơn giá thực hiện quyền nên giá trị của quyền được ghi nhận là không (0). Tại ngày báo cáo tài chính kiểm toán, Quỹ đã từ chối thực hiện quyền này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B07 - QĐT

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị trường tại ngày 31.12.2011 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quý (%)
V	Các tài sản khác			66.426.333.621	5,00%
1	Cổ tức được nhận			3.928.704.000	0,30%
2	Lãi phải thu			3.102.401.821	0,23%
3	Phải thu bán chứng khoán			59.395.227.800	4,47%
VI	Tiền			183.786.302.756	13,85%
1	Tiền gửi ngân hàng			183.786.302.756	13,85%
VII	Tổng giá trị danh mục			1.327.273.660.005	100,00%



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy phép số 01/GP-QĐT ngày 24 tháng 3 năm 2004 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp. Theo quy định của Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 30.000.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian 10 năm theo Quyết định số 01/UBCK-ĐKQĐT ngày 20 tháng 5 năm 2004 của UBCKNN.

Quỹ được niêm yết tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/UBCK-NYQĐT ngày 22 tháng 9 năm 2004 của UBCKNN.

Theo Quyết định số 486/QĐ-UBCK ngày 5 tháng 7 năm 2006 của UBCKNN, Quỹ được phép phát hành thêm 20.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ nhằm tăng số đơn vị quỹ lên 50.000.000 đơn vị quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ cũng tăng tương ứng lên 500 tỷ đồng Việt Nam.

Theo Quyết định số 144/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 3 năm 2007 của UBCKNN, Quỹ được phép phát hành thêm 50.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ nhằm tăng số đơn vị quỹ lên 100.000.000 đơn vị quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ cũng tăng tương ứng lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên, Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý và do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam giám sát.

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư và duy trì danh mục đầu tư cân đối và đa dạng, có khả năng đem lại lợi nhuận và/hoặc lãi trên vốn cao nhất nhưng đồng thời vẫn giảm thiểu rủi ro. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và cổ phiếu sẽ niêm yết. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ nhằm đến trong quá trình đầu tư là làm tăng giá trị các khoản đầu tư thông qua việc giúp các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, v.v... qua đó đem lại lợi ích cho các nhà đầu tư, đồng thời tăng giá trị của các hoạt động đầu tư do Quỹ thực hiện.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam và được trình bày trên các báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam (“VNĐ”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Quý bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quý là Nhật ký chung.

2.5 Đầu tư chứng khoán

Phân loại

Quý phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quý ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quý đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán. Các chứng khoán niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày định giá có liên quan. Chứng khoán chưa niêm yết và trái phiếu chuyển đổi có giao dịch tại các công ty chứng khoán được đánh giá lại bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân do ba công ty chứng khoán độc lập với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cung cấp tại ngày định giá. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá trái phiếu phù hợp.

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Vốn và thặng dư vốn

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực nhận khi phát hành và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành.

2.7 Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.8 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

2.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

2.11 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quỹ có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.12 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quỹ cần gửi lại 25% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật.)

2.13 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động mua chứng khoán mà đã được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.15 Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.16 Quyền mua cổ phiếu

Giá trị quyền mua một cổ phiếu được ghi nhận theo giá thị trường trừ đi giá được mua. Giá trị của quyền mua sẽ được đánh giá lại vào ngày báo cáo.

2.17 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quý, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.18 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

2.19 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

3. THÔNG TIN BỔ SUNG

3.1 Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại các ngân hàng sau đây:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
1. Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	30.495.590.484	5.813.506.433
2. Tiền gửi có kỳ hạn:		
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	40.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	60.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	10.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Tín Nghĩa	20.290.712.272	40.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	83.000.000.000	7.000.000.000
	183.786.302.756	142.813.506.433

3.2 Đầu tư chứng khoán

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2.5, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VNĐ	Lỗ do đánh giá lại VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	1.705.760.214.377	(791.304.364.977)	914.455.849.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	262.356.476.672	(124.792.398.334)	137.564.078.338
Trái phiếu chuyển đổi	25.041.095.890	-	25.041.095.890
	1.993.157.786.939	(916.096.763.311)	1.077.061.023.628

	Giá mua VNĐ	Lãi/(lỗ) do đánh giá lại VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	1.732.443.523.867	(114.959.346.567)	1.617.484.177.300
Cổ phiếu chưa niêm yết	382.729.280.577	(24.440.489.191)	358.288.791.386
Quyền mua Cổ phiếu niêm yết	-	1.203.500.000	1.203.500.000
	2.115.172.804.444	(138.196.335.758)	1.976.976.468.686

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.3 Phải thu hoạt động đầu tư

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

3.4 Phải thu khác

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	3.102.401.821	1.738.416.665
Phải thu cổ tức	3.928.704.000	13.937.191.726
Phải thu khác (*)	-	1.050.000.000
	7.031.105.821	16.725.608.391

(*) Phải thu khác năm 2010 thể hiện khoản đặt cọc 10% trên giá trị đầu giá mua 1 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2. Giao dịch này đã được thực hiện trong năm 2011.

3.5 Phải trả hoạt động đầu tư

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Khoản đầu tư chờ thanh toán (*)	25.000.000.000	6.973.468.000
Phí môi giới phải trả	295.874.551	211.320.836
	25.295.874.551	7.184.788.836

(*) Khoản đầu tư chờ thanh toán năm 2011 thể hiện khoản tiền cọc ký quỹ nhận được cho giao dịch thỏa thuận bán chứng khoán.

Khoản đầu tư chờ thanh toán năm 2010 thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

3.6 Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phí quản lý Quỹ	2.167.653.864	3.549.956.574
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	88.873.809	156.198.089
	2.256.527.673	3.706.154.663

3.7 Phải trả khác

Số dư này thể hiện số phí kiểm toán và các khoản phải trả khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.8 Vốn góp của nhà đầu tư

3.8.1 Vốn góp

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Vốn tăng trong năm	-	-
Vốn giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

Mỗi đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tất cả đơn vị quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn, và các quyền khác ngang nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

3.8.2 Thặng dư vốn

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Thặng dư vốn đầu năm	1.224.170.820.910	1.224.170.820.910
Thặng dư vốn tăng trong năm	-	-
Thặng dư vốn giảm trong năm	-	-
Thặng dư vốn cuối năm	1.224.170.820.910	1.224.170.820.910

3.9 Kết quả hoạt động chưa phân phối

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Số dư đầu năm	(97.903.031.187)	255.699.733.211
Lỗ trong năm	(827.931.999.144)	(203.602.764.398)
Cổ tức phân phối trong năm (*)	-	(150.000.000.000)
Số dư cuối năm	(925.835.030.331)	(97.903.031.187)

(*) Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2009 được tổ chức vào ngày 25 tháng 3 năm 2010 đã thông qua quyết định chi trả bằng tiền mặt cổ tức đợt 2 năm 2009 với tỷ lệ 10% và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 với tỷ lệ 5% cho các nhà đầu tư dựa trên lợi nhuận thực tế của năm 2009 và lợi nhuận thực tế tại thời điểm tổ chức đại hội. Theo đó, Quỹ tiến hành chi trả cổ tức vào ngày 12 tháng 5 năm 2010 với tổng số tiền là 150 tỷ đồng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.10 Phí và chi phí khác

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phí thiết kế, in ấn, gửi thư	204.599.258	275.995.723
Phí họp Ban Đại diện Quỹ	155.199.335	179.519.333
Phí môi giới bán chứng khoán	1.762.598.311	1.749.090.731
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 3.11(iii))	598.000.004	597.999.996
Chi phí khác	437.598.416	180.533.784
	3.157.995.324	2.983.139.567

3.11 Nghiệp vụ với các bên liên quan

i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam, công ty Quản lý của Quỹ.

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phí quản lý Quỹ	33.529.972.546	47.222.643.954

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng. Mức thưởng hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm. Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư của những năm trước năm báo cáo bị lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Trong năm không phát sinh phí thưởng hoạt động (2010: 0).

ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("Vietcombank"), ngân hàng giám sát

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	1.374.728.878	1.946.394.612

Quỹ đã chỉ định Vietcombank làm ngân hàng giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng giám sát một khoản phí giám sát quỹ và phí lưu ký hàng tháng lần lượt bằng một phần mười hai của không phải không hai phần trăm (0,02%) và không phải không sáu phần trăm (0,06%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng. Phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.11 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ	598.000.004	597.999.996

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động.

4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư

	2011 %	2010 %
1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng tài sản	81,15	92,44
2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng tài sản	79,26	92,39
3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng tài sản	68,90	75,63
4. Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng tài sản	10,36	16,75
5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng tài sản	1,89	0,00
6. Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng tài sản	0,00	0,06
7. Tỷ lệ tiền mặt/Tổng tài sản	13,85	6,68
8. Tỷ lệ bất động sản/Tổng tài sản	0,00	0,00
9. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng tài sản	-59,43	-7,02
10. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng tài sản	2,95	2,50

II. Các chỉ số thị trường

	2011	2010
1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (ccq)	100.000.000	100.000.000
2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty Quản lý Quỹ cuối năm	0,088%	0,322%
3. Tỷ lệ giao dịch cổ phiếu quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong năm	27,68%	96,79%
4. Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ)	12.983	21.263

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu chuyển đổi, và tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quý được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quý theo đúng mục tiêu đầu tư của Quý. Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quý có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Quý chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được qui định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty Quản lý Quý tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là đảm bảo Quý luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Quý vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quý có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quý thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Phải trả hoạt động đầu tư	25.295.874.551	-	-
Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quý	92.000.000	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	2.256.527.673	-	-
Phải trả khác	1.293.467.202	-	-
	28.937.869.426	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010			
Phải trả hoạt động đầu tư	7.184.788.836	-	-
Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quý	91.999.996	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	3.706.154.663	-	-
Phải trả khác	1.345.356.692	-	-
	12.328.300.187	-	-

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quý nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quý bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quý không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quý là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quý.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quý đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu chuyển đổi mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quý quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (2010: 10%) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì Nguồn vốn của Quý sẽ cao hơn/thấp hơn 105.201.992.774 đồng (2010: 197.577.296.869 đồng) tương ứng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	1.077.061.023.628	1.976.976.468.686	1.077.061.023.628	1.976.976.468.686
- Trái phiếu	25.041.095.890	-	25.041.095.890	-
- Cổ phiếu niêm yết	914.455.849.400	1.617.484.177.300	914.455.849.400	1.617.484.177.300
- Cổ phiếu chưa niêm yết	137.564.078.338	358.288.791.386	137.564.078.338	358.288.791.386
- Quyền mua cổ phiếu	-	-	-	1.203.500.000
Các khoản phải thu	66.426.333.621	18.806.114.791	66.426.333.621	18.806.114.791
- Phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán	59.395.227.800	2.080.506.400	59.395.227.800	2.080.506.400
- Phải thu khác	7.031.105.821	16.725.608.391	7.031.105.821	16.725.608.391
Tiền	183.786.302.756	142.813.506.433	183.786.302.756	142.813.506.433
Tổng cộng	1.327.273.660.005	2.138.596.089.910	1.327.273.660.005	2.138.596.089.910
Nợ tài chính phải trả				
Phải trả hoạt động đầu tư chứng khoán	25.295.874.551	7.184.788.836	25.295.874.551	7.184.788.836
Phải trả cho các bên có liên quan	2.348.527.673	3.798.154.659	2.348.527.673	3.798.154.659
Phải trả khác	1.293.467.202	1.345.356.692	1.293.467.202	1.345.356.692
Tổng cộng	28.937.869.426	12.328.300.187	28.937.869.426	12.328.300.187

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc lợi ích thông thường của giao dịch tại ngày đánh giá lại.

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B04 - QĐT

- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
- Giá trị hợp lý của quyền mua chứng khoán được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán trừ đi giá thực hiện quyền.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng giá trị thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

6. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại ngày 13 tháng 2 năm 2012, giá trị tài sản ròng của Quý đã tăng 95.217.097.638 đồng lên 1.393.552.888.217 đồng so với giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

	31.12.2011 VNĐ	9.2.2012 VNĐ	Biến động VNĐ
Giá trị tài sản ròng	1.298.335.790.579	1.393.552.888.217	95.217.097.638

7. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Ban Đại diện Quý phê duyệt để phát hành vào ngày 13 tháng 2 năm 2012.



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Vietfund Management (VFM). Tất cả những số liệu liên quan đến Báo cáo Tài chính của Quý được công ty VFM công bố trong báo cáo này đã được kiểm toán theo luật định. Đối với những nội dung khác trong báo cáo được công ty VFM phát hành dựa trên những nguồn thông tin đáng tin cậy và/ hoặc đã được công bố ra công chúng. Những quan điểm, dự báo và các ước tính trong báo cáo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không hàm ý đảm bảo những dự đoán, khả năng sinh lời và mức độ rủi ro có thể xảy ra, mà chỉ mang tính chất tham khảo. Chúng tôi không đảm bảo và không chịu trách nhiệm về mọi thua lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp xảy ra cho mọi cá nhân hoặc nhóm người nào sử dụng những thông tin nêu trên trong tài liệu này vào mục đích đầu tư.



Trụ sở chính:

Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza,
17 Lê Duẩn, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489

Website: www.vinafund.com

Chi nhánh Hà Nội:

Phòng 1208, Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place,
83B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

ĐT: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169